



CÔNG BÁO

Tỉnh Đồng Nai

Số 53

Ngày 25 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

04-12-2020	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	3
04-12-2020	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	24
04-12-2020	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND kế hoạch đầu tư công năm 2021	51
04-12-2020	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	72
04-12-2020	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND thông qua danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai thực hiện đầu tư trực tiếp và cho vay giai đoạn 2021 - 2025	75

04-12-2020	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 18 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX	78
04-12-2020	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2021	81
04-12-2020	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng ban Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021	86
04-12-2020	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021	87
04-12-2020	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả bầu cử Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021	89
04-12-2020	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên UBND tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021	91
04-12-2020	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả bầu cử Ủy viên UBND tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021	93
04-12-2020	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND về việc thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021	95

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương
đầu tư một số dự án trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 14248/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm A và nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm 15 dự án, cụ thể:

1. Dự án đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh.
2. Dự án đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa.
3. Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.774B (Tà Lài - Trà Cỏ), huyện Tân Phú.
4. Dự án nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100 đến Km18+100 và đoạn Km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183, huyện Xuân Lộc, huyện Định Quán và huyện Vĩnh Cửu.
5. Dự án xây dựng đường 25C đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng, huyện Nhơn Trạch.
6. Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (Suối Xiệp), đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp, tỉnh Bình Dương.
7. Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh.

8. Dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ và thành phố Long Khánh.

9. Dự án đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom.

10. Dự án nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A), huyện Long Thành.

11. Dự án xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa.

12. Dự án đường Xuân Hưng - Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc.

13. Dự án đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), huyện Xuân Lộc.

14. Dự án nâng cấp đường Xuân Thành - Trảng Táo, huyện Xuân Lộc.

15. Dự án đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán.

(Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư 04 dự án nhóm B và 01 dự án nhóm C gồm:

1. Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, huyện Xuân Lộc.

2. Dự án nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh, huyện Xuân Lộc.

3. Dự án đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo (giai đoạn 1), huyện Nhơn Trạch.

4. Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cải, thành phố Long Khánh.

5. Dự án xây dựng hạ tầng làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ Ro tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh.

(Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

Phụ lục I**Danh mục các dự án nhóm A và nhóm B
thông qua quyết định chủ trương đầu tư**

*(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

1. Dự án Dự án đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giải quyết áp lực về giao thông cho thành phố Long Khánh, góp phần hoàn thiện trục vành đai bao quanh nội đô thành phố, tạo tiền đề mở rộng đô thị hóa thành phố về các vùng ven, tạo điểm nhấn và mỹ quan cho đô thị Long Khánh, thúc đẩy sự phát triển về mặt kinh tế, xã hội của thành phố Long Khánh.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm A.

- Đường giao thông trong đô thị, cấp II, vận tốc thiết kế 50 km/h.

- Nội dung đầu tư: Xây dựng Vành đai 2 với chiều dài khoảng 5.600 m, điểm đầu tuyến giao với đường Quốc Lộ 1 (Km1813+500) thuộc phường Phú Bình, điểm cuối tuyến giao với đường Duy Tân thuộc phường Bảo Vinh. Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền rộng 45m, mặt đường 14m, vỉa hè mỗi bên rộng 6m, dải trồng cây giữa rộng 19m. Xây dựng cầu vượt tuyến đường sắt Bắc - Nam, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm: phường Xuân Hòa, phường Bảo Vinh, phường Phú Bình, xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 05 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 1.858 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 584,64 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 87,60 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 973,52 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 212,24 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án và các nội dung liên quan:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

- Thực hiện rà soát lại các quy hoạch có liên quan để khai thác quỹ đất dọc hai bên đường, giải pháp thực hiện làm cơ sở để xem xét bố trí vốn đầu tư thực hiện dự án.

2. Dự án đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Xây dựng đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu nhằm kết nối liên tục từ nút giao ngã tư Vườn Mít (Đường Nguyễn Ái Quốc - Đường 30/4 - Phạm Văn Thuận) với tuyến đường trục từ Cù lao Hiệp Hòa đến đường Võ Thị Sáu. Tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực Cù lao Hiệp Hòa, chia sẻ lưu lượng giao thông vào nội ô thành phố Biên Hòa, hoàn thành từng bước quy hoạch giao thông thành phố Biên Hòa và giao thông tỉnh Đồng Nai, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm A

- Công trình giao thông trong đô thị, cấp II, vận tốc thiết kế 50 km/h.

- Nội dung đầu tư: Đầu tư tuyến đường (từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu) nằm trong trục sinh thái của mô hình phát triển và cấu trúc không gian đô thị theo quy hoạch thành phố Biên Hòa, có chiều dài tuyến khoảng 1,2 km. Trên tuyến có 1 cầu vượt đường sắt Bắc Nam dài 125 m, 06 nút giao và hạ tầng kỹ thuật khác theo tuyến đầy đủ (cấp, thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh, hào kỹ thuật, an toàn giao thông...).

- Giải pháp thiết kế sơ bộ mặt cắt ngang đường toàn tuyến rộng 60 m. Cụ thể là:

+ Bề rộng phần đường xe cơ giới (khoảng giữa): $2 \times 11 \text{ m} = 22 \text{ m}$

+ Bề rộng phần đường xe hỗn hợp hai bên: $2 \times 7 \text{ m} = 14 \text{ m}$

+ Dải phân cách giữa làn xe cơ giới và làn xe hỗn hợp: $2 \times 3 \text{ m} = 6 \text{ m}$

+ Vía hè hai bên: $2 \times 9 \text{ m} = 18 \text{ m}$

Tổng cộng $= 60 \text{ m}$

- Giải pháp xử lý giao cắt với đường sắt: Phương án giao khác mức và xây dựng cầu vượt đường sắt với quy mô dài 125 m, rộng 47 được bố trí như sau:

+ Bề rộng phần đường xe cơ giới (khoảng giữa): $2 \times 11 \text{ m} = 22 \text{ m}$

+ Bề rộng phần đường xe hỗn hợp hai bên: $2 \times 7 \text{ m} = 14 \text{ m}$

+ Dải phân cách giữa làn xe cơ giới và làn xe hỗn hợp: $2 \times 3 \text{ m} = 6 \text{ m}$

+ Lan can, lề bộ hành hai bên: $2 \times 2,5 \text{ m} = 5 \text{ m}$

Tổng cộng $= 47 \text{ m}$

c) Địa điểm: Phường Thống Nhất và phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa.

- Phạm vi đầu tư: Điểm đầu tuyến: Km0+000 tại Nút giao ngã tư Vườn Mít (Đường Nguyễn Ái Quốc - Đường 30/4 - Phạm Văn Thuận); Điểm cuối tuyến: Km1+200 giao với đường Võ Thị Sáu.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 05 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 1.545 tỷ đồng. Trong đó chi phí xây dựng khoảng 527 tỷ đồng; chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng khoảng 732 tỷ đồng; chi phí dự phòng khoảng 236 tỷ đồng; các chi phí tư vấn, quản lý và chi phí khác khoảng 50 tỷ đồng.

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án và các vấn đề có liên quan:

- UBND thành phố Biên Hòa nghiên cứu điều chỉnh các quy hoạch xây dựng có liên quan để đảm bảo pháp lý nhằm khai thác quỹ đất hai bên đường để thực hiện chỉnh trang đô thị và bán đấu giá tạo vốn đầu tư theo chỉ đạo tại Văn bản số 2093/TB-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh với quy mô khoảng 40 ha như đề xuất báo cáo tại cuộc họp Hội đồng thẩm định chủ trương ngày 30/10/2020. Lưu ý tính toán kỹ chiều dài, rộng thửa đất phù hợp với nhu cầu thực tế để thu hồi, tránh quá dài hoặc quá ngắn không phù hợp thực tế và nhu cầu sử dụng để xây dựng.

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

3. Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.774B (Tà Lài - Trà Cỏ), huyện Tân Phú.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch, nâng cao năng lực khai thác trên toàn tuyến đường, kết nối giao thông giữa huyện Định Quán và huyện Tân Phú, đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại vận chuyển hàng hóa của khu vực, góp phần phát triển về mặt kinh tế, xã hội của các địa phương.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Cấp công trình: cấp III, vận tốc thiết kế 60 km/h.

Nội dung đầu tư:

- Xây dựng tuyến đường với chiều dài khoảng 29.560 m, điểm đầu tuyến giáp đường Cao Cang, huyện Định Quán, điểm cuối tuyến ngã ba giao với đường 600A, huyện Tân Phú gồm:

+ Đoạn 1: Từ Km0+000 đến Km1+600 đã có đường hiện hữu, có chiều dài thực tế 1500 m. Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền đường rộng 9 m, mặt đường rộng 7 m, lề đường mỗi bên rộng 0,5m, gia cố lề mỗi bên 0,5m. Riêng đoạn qua thị trấn Tân Phú (đường Nguyễn Văn Linh) nền đường rộng 25 m, mặt đường rộng 15 m, vỉa hè mỗi bên 5 m.

+ Đoạn 3: Từ Km5+600 đến Km33+655 đã có đường hiện hữu, có chiều dài thực tế là 28.055 m. Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền đường rộng 9 m, mặt đường rộng 7m, lề đường mỗi bên rộng 0,5 m, gia cố lề mỗi bên 0,5 m

+ Riêng đoạn 2: Từ Km1+600 đến Km5+600, tuy chưa có đường nhưng đã được Chủ tịch UBND tỉnh duyệt dự án tại Quyết định số 3450/QĐ-UBND ngày 31/10/2019. Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền đường rộng 9 m, mặt đường rộng 7m, lề đường mỗi bên rộng 0,5 m, gia cố lề mỗi bên 0,5m, chuẩn bị xây dựng trong năm 2020.

- Xây dựng 02 cầu trên tuyến đường.

- Xây dựng hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông và di dời hạ tầng (nếu có).

c) Địa điểm: Huyện Tân Phú, huyện Định Quán.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 852,06 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 576,7 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 56,82 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 123,51 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 95,03 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

4. Dự án Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100 đến Km18+100 và đoạn Km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183, huyện Xuân Lộc, huyện Định Quán và huyện Vĩnh Cửu.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch kết nối giao thông giữa đường Quốc lộ 1A, Quốc lộ 20 và đường ĐT.761, tạo thành tuyến đường giao thông phía Đông Bắc rất quan trọng của tỉnh, giảm cự ly vận chuyển (do tránh hồ Trị An) giữa huyện Vĩnh Cửu, Định Quán và Xuân Lộc, nâng cao năng lực khai thác trên toàn tuyến đường và kết nối khu vực dự án với các huyện lân cận góp phần phát triển về mặt kinh tế, xã hội của các địa phương.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Cấp công trình: cấp III, vận tốc thiết kế 60 km/h. Nội dung đầu tư:

- Xây dựng tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 29.750 m, gồm:

+ Đoạn 1 từ Km2+100 (giao với đường Xuân Bắc - Suối Cao - Xuân Thành) xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc đến Km16+730 (giao với Quốc lộ 20) xã Phú Ngọc huyện Định Quán với chiều dài khoảng 14.630 m. Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền đường rộng 9m, mặt đường rộng 7m, lề đường mỗi bên rộng 0,5 m, gia cố lề mỗi bên 0,5 m.

+ Đoạn 2 từ Km 33+183 (cầu số 2), xã Thanh Sơn, huyện Định Quán đến Km48+301, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu chiều dài khoảng 15.120 m. Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền đường rộng 9 m, mặt đường rộng 7m, lề đường mỗi bên rộng 0,5 m, gia cố lề mỗi bên 0,5 m.

- Xây dựng 06 cầu giao thông trên tuyến đường.

- Xây dựng hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm: Huyện Xuân Lộc, huyện Định Quán, huyện Vĩnh Cửu.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 935,91 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 645,61 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 64,83 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 118,91 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 106,56 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

5. Dự án Xây dựng đường 25C đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng, huyện Nhơn Trạch.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Nhằm hoàn thiện hệ thống đường giao thông theo quy hoạch chung tỉnh Đồng Nai, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn huyện Nhơn Trạch nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Cấp công trình: cấp I, vận tốc thiết kế 80 km/h, đường song hành vận tốc thiết kế 60 km/h.

- Nội dung đầu tư: Xây dựng tuyến đường với chiều dài khoảng 4.635m, điểm đầu tuyến giáp đường Hùng Vương (Hương lộ 19), điểm cuối tuyến giáp đường Liên Cảng.

+ Quy mô mặt cắt ngang hoàn chỉnh theo quy hoạch: nền đường rộng 100 m, mặt đường rộng 53 m (làn xe cơ giới rộng 32m, làn xe hỗn hợp rộng 21 m), dải phân cách giữa rộng 5 m, dải phân cách biên mỗi bên 8 m, vỉa hè mỗi bên 13 m.

+ Quy mô mặt cắt ngang theo hồ sơ đề xuất: Nền đường rộng 45 m, mặt đường rộng 32 m, dải phân cách giữa rộng 5 m, lề đất mỗi bên 4 m (đầu tư trước phần giữa đường theo quy hoạch).

+ Quy mô mặt cắt ngang giai đoạn hoàn thiện: nền đường rộng 100 m, mặt đường rộng 53m (làn xe cơ giới rộng 32 m, làn xe hỗn hợp rộng 21 m), dải phân cách giữa rộng 5m, dải phân cách biên mỗi bên 8m, vỉa hè mỗi bên 13 m.

Kết cấu bê tông nhựa nóng. Xây dựng cầu, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông và cây xanh trên tuyến.

c) Địa điểm: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 875,78 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 600,66 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 41,58 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 137,21 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 96,33 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

6. Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (Suối Xiệp), đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương.

a) Sự cần thiết và mục tiêu dự án:

- Sự cần thiết: Tuyến rạch Cái Cầu là hạng mục của Dự án Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp do Ban quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương làm chủ đầu tư (tìm tuyến rạch là ranh giới giữa 2 tỉnh Bình Dương và Đồng Nai). Dự án được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt vào năm 2002. Đến ngày 01/6/2016, lãnh đạo 02 tỉnh đã họp và thống nhất (tại biên bản ngày 01/6/2016 và Công văn số 660/VP.UBND-ĐT) về quy mô thiết kế công trình, ranh giải phóng mặt bằng, phương án và kinh phí bồi thường GPMB tuyến rạch Cái Cầu (thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai). Tiến độ thực hiện dự án

về phía tỉnh Bình Dương đã đo đạc kiểm kê áp giá đang trình thông qua phương án đền bù, hỗ trợ tái định cư. Về phía tỉnh Đồng Nai phải điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nhằm thực hiện đăng ký kế hoạch sử dụng đất và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy định, vì vậy việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (Suối Xiệp), đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp là cần thiết theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Mục tiêu dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp, nhằm mục đích tiêu thoát nước mưa và nước thải đã qua xử lý cho khu vực dự án, tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp, cải thiện môi trường thông thoáng, sạch đẹp.

b) Nội dung và quy mô đầu tư:

Trên cơ sở thỏa thuận với tỉnh Đồng Nai, dự án được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán tại quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 24/10/2017. Theo đó, rạch Cái Cầu được đầu tư xây dựng với quy mô: Chiều dài toàn tuyến là $L=3.850\text{m}$. Đoạn từ $K0:K0+270$, có kết cấu kênh hộp BTCT mặt cắt chữ nhật $B \times H = 2 \times (3,4 \times 3,2)\text{m}$; đoạn từ $K0+270: K3+850$ (cuối tuyến), có kết cấu kênh hở BTCT mặt cắt chữ nhật $B \times H = (6,8\text{m}:12\text{m}) \times (3,2\text{m}:4,5\text{m})$; hai bên bờ kênh có đắp đường đất đầm chặt, chiều rộng mặt đường thiết kế là 4m , hệ số mái taluy $m = 1,5$.

Quy mô đầu tư: Phạm vi ranh giải phóng mặt bằng (GPMB): chiều rộng ranh GPMB từ 28 m đến 41 m (tính từ tim kênh ra mỗi bên từ 14 m đến $20,5\text{ m}$ tùy theo từng vị trí). Phạm vi GPMB tuyến rạch Cái Cầu nằm trên địa phận 02 phường Hóa An và phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (thuộc bên bờ trái của tuyến rạch Cái Cầu từ $K1+117$ đến $K3+860$) có chiều dài khoảng 2.743 m .

c) Địa điểm dự án: phường Hóa An và phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 03 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: khoảng 163 tỷ đồng, trong đó có chi phí dự phòng 14 tỷ đồng để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và các chi phí khác có liên quan.

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

7. Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giải quyết áp lực về giao thông cho thành phố Long Khánh, góp phần hoàn thiện trục vành đai bao quanh nội đô thành phố, tạo tiền đề mở rộng đô thị hóa thành phố về các vùng ven, tạo điểm nhấn và mỹ quan cho đô thị Long Khánh, thúc đẩy sự phát triển về mặt kinh tế, xã hội của thành phố Long Khánh.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Đường giao thông trong đô thị, cấp II, vận tốc thiết kế 50 km/h.

- Nội dung đầu tư: Xây dựng đường Vành đai 1 với chiều dài khoảng 4.400 m, điểm đầu tuyến giao với đường Quốc lộ 1 (tại lý trình Km1823+800 ngay trạm xăng dầu Suối Tre), điểm cuối tuyến giao với đường Quốc lộ 1 (tại lý trình Km1813+500). Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền rộng 45 m, mặt đường 14 m, vỉa hè mỗi bên rộng 6 m, trồng cây xanh ở giữa rộng 19m. Xây dựng cầu vượt tuyến đường sắt Bắc - Nam, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm: Phường Suối Tre, phường Bàu Sen, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 1.082 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 526,35 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 78,33 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 384,61 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 92,71 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương hỗ trợ (UBND tỉnh có Văn bản số 11806/UBND-KTNS ngày 05/10/2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét hỗ trợ) và ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án và các nội dung liên quan:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

- Thực hiện rà soát lại các quy hoạch có liên quan để khai thác quỹ đất dọc hai bên đường, giải pháp thực hiện làm cơ sở để xem xét bố trí vốn đầu tư thực hiện dự án.

8. Dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ và thành phố Long Khánh.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư nâng đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ và thành phố Long Khánh nhằm đảm bảo kết nối giao thông xuyên suốt giữa , huyện Cẩm Mỹ và thành phố Long Khánh, kết nối giao thông an toàn và hiệu quả nhằm phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Đường giao thông cấp III, vận tốc thiết kế 60 km/h.

- Nội dung đầu tư: Xây dựng tuyến đường với chiều dài khoảng 7.700 m, điểm đầu tuyến giáp đường Hương lộ 10 (tại km6+300), điểm cuối tuyến giao đường Xuân Tân - Hàng Gòn (giáp ranh địa bàn TP. Long Khánh). Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền đường rộng 9m, mặt đường 7m, lề đường mỗi bên rộng 1 m, gia cố lề mỗi bên 0,5 m. Xây dựng 03 cầu trên tuyến đường, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông

c) Địa điểm: xã Xuân Quế, xã Xuân Đường huyện Cẩm Mỹ.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 462,27 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 242,26 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 27,86 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 165,14 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 27,01 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

9. Dự án đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện Trảng Bom, nâng cao năng lực thông hành của tuyến đường, phục vụ tốt hơn việc đi lại vận chuyển hàng hóa của người dân trong khu vực.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Cấp công trình: cấp II, vận tốc thiết kế 80 km/h. Nội dung đầu tư:

- Xây dựng tuyến đường với chiều dài khoảng 12.300 m, điểm đầu giao với đường ĐT.762 (tại Km12+700 - ranh giới xã Cây Gáo và Thanh Bình), điểm cuối giao với ngã ba đường 30/4 và đường An Dương Vương, thị trấn Trảng Bom. Nền đường rộng 12 m, mặt đường rộng 11m (trong đó mặt đường xe chạy rộng 7 m, lề gia cố mỗi bên 2 m, lề đất mỗi bên 0,5 m). Kết cấu bê tông nhựa nóng.

- Xây dựng 02 cầu trên tuyến đường.

- Xây dựng hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm: Xã Cây Gáo, xã Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 654,49 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 349,65 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 21,42 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 246,32 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 37,10 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án và các nội dung liên quan:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

- Thực hiện rà soát lại các quy hoạch có liên quan để khai thác quỹ đất dọc hai bên đường, giải pháp thực hiện làm cơ sở để xem xét bố trí vốn đầu tư thực hiện dự án.

10. Dự án nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A), huyện Long Thành.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư nâng cấp đường Lê Duẩn, huyện Long Thành là trục giao thông chính của thị trấn Long Thành hiện nay và thị xã Long Thành trong tương lai nhằm đảm bảo kết nối giao thông xuyên suốt giữa các tuyến đường trong thị trấn, kết nối giao thông an toàn và hiệu quả. Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị Long Thành theo quy hoạch, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Long Thành và tỉnh Đồng Nai.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Cấp công trình: cấp II; công trình giao thông, đường trong đô thị, vận tốc thiết kế 50 km/h.

- Nội dung đầu tư: Xây dựng tuyến Lê Duẩn (Quốc lộ 51A), huyện Long Thành với chiều dài khoảng 4.900 m, điểm đầu giao với Quốc lộ 51 tại Km16+700 (mũi tàu bắc), điểm cuối giao với Quốc lộ 51 tại Km11+600 (mũi tàu nam) kết cấu bê tông nhựa nóng, được chia làm 02 đoạn:

+ Đoạn 1 từ Km0+000 đến Km1+300 (từ mũi tàu phía Bắc đến giao với đường Vũ Hồng Phô) nền đường rộng 46m, mặt đường rộng $2 \times (3 \times 3,5)m = 21 \text{ m}$, làn xe hỗn hợp rộng $2 \times 5m = 10 \text{ m}$, dải phân cách giữa rộng 2m, dải phân cách biên rộng $2 \times 2m = 4m$, vỉa hè rộng $2 \times 4,5m = 9 \text{ m}$.

+ Đoạn 2 từ Km1+300 đến Km4+900 (từ đường Vũ Hồng Phô đến mũi tàu phía Nam) nền đường rộng 32 m, mặt đường rộng $2 \times (3 \times 3,5)m = 21$ m, dải phân cách giữa rộng 2 m, vỉa hè rộng $2 \times 4,5m = 9$ m.

+ Mở rộng cầu trên tuyến, xây dựng hệ thống thoát nước, đầu tư hệ thống điện trung thế, hạ thế và điện chiếu sáng, cây xanh, hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm: Xã An Phước, xã Long Đức, xã Long An và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 1.025,67 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 300,62 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 19,85 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 650,25 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 54,95 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh 50% giá trị xây dựng, phần còn lại từ ngân sách huyện.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

- Lưu ý chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng bố trí cho dự án, UBND huyện Long Thành nghiên cứu bố trí từ nguồn đầu giá đất trên địa bàn được để lại.

11. Dự án xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An nhằm kết nối giữa hai đường ven sông Đồng Nai gồm: đường Nguyễn Văn Trị hiện hữu và đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) nhằm đảm bảo giao thông liên tục giữa hai tuyến đường, tăng khả năng kết nối và phát huy cao hiệu quả đầu tư các tuyến đường, góp phần hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nội bộ thành phố Biên Hòa.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Loại công trình: Công trình giao thông trong đô thị, Cấp công trình: cấp II.

Nội dung đầu tư gồm: Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn trị với tổng chiều dài khoảng 620 m gồm: Hầm chui, đường dẫn hai đầu hầm, hệ thống hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, chiếu sáng, thông gió, PCCC, chống thấm, cây xanh, trạm biến áp), di dời các hệ thống hạ tầng hiện hữu, cải tạo công viên. Cụ thể:

- Hàm chui (phần hàm kín dài khoảng 40m, tính không 4,5 m và hàm hở dài khoảng 360 m). Mặt cắt ngang 11,5 m gồm 2 làn xe cơ giới $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{ m}$, 02 làn xe thô sơ $2 \times 1,5\text{m} = 3\text{ m}$, 02 lề đi bộ và phục vụ khai thác, duy tu $2 \times 0,75\text{m} = 1,5\text{ m}$.

- Đường dẫn 2 đầu hầm có tổng chiều dài khoảng 220 m gồm bên phải hầm 01 chiều từ đường Nguyễn Văn Trị ra nút giao đường Cách mạng Tháng tám - Nguyễn Ái Quốc và đường kết nối 01 chiều từ nút giao Huỳnh Văn Nghệ - Nguyễn Ái Quốc vào đường ven sông Đồng Nai với quy mô đảm bảo 1 làn xe cơ giới, 1 làn xe thô sơ và lề đường.

c) Địa điểm: Phường Bửu Long, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa.

- Phạm vi đầu tư: Điểm đầu tuyến: Km0+000 nằm trên đường Ven sông Đồng Nai thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa; Điểm cuối tuyến: Km0+620 nằm trên đường Nguyễn Văn Trị thuộc phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa;

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 310 tỷ đồng. Trong đó: chi phí xây dựng khoảng 219 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 38 tỷ đồng, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng khoảng 10 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 43 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- UBND thành phố Biên Hòa nghiên cứu điều chỉnh các quy hoạch xây dựng có liên quan để đảm bảo pháp lý và lựa chọn chiều rộng vỉa hè đường dẫn ra nút giao đường cách mạng Tháng tám cho phù hợp.

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

12. Dự án Đường Xuân Hưng – Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng đường Xuân Hưng - Xuân Tâm nhằm đảm bảo cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện Xuân Lộc, kết nối giao thông trong khu vực, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại khu vực.

b) Nội dung và quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Công trình cấp III, vận tốc thiết kế 60 km/h.

- Nội dung đầu tư: Xây dựng tuyến đường Xuân Hưng - Xuân Tâm với chiều dài khoảng 13,9 km, điểm đầu tuyến giáp với Quốc lộ 1, điểm cuối tuyến giáp đường Xuân Tâm - Trảng Táo. Kết cấu bê tông nhựa nóng, mặt đường rộng 7 m, lề đường đắp đất mỗi bên rộng 1m, nền đường rộng 09m. Xây dựng 01 cầu trên tuyến, khổ cầu

rộng 10 m. Xây dựng hệ thống thoát nước, hệ thống điện trung, hạ thế, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc; hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm dự án: xã Xuân Hưng và xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: khoảng 174,5 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 115,98 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 11,22 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 14,5 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 32,80 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: 50% ngân sách tỉnh, 50% ngân sách huyện.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

13. Dự án đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), huyện Xuân Lộc.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), huyện Xuân Lộc nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch trên địa bàn huyện Xuân Lộc, góp phần chỉnh trang thị trấn Gia Ray, tránh ùn tắc giao thông, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, công nhân và phục vụ khu công nghiệp, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội khu vực và góp phần nâng cấp thị trấn Gia Ray đạt đô thị loại IV vào năm 2030.

b) Nội dung và quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Công trình cấp II, vận tốc thiết kế 50 km/h.

Nội dung đầu tư: xây dựng tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2) với chiều dài khoảng 1,2 km, điểm đầu tuyến giao với nút giao đường Trần Hưng Đạo, điểm cuối tuyến giao với đường Quốc lộ 1 (đường Nguyễn Hữu Cánh). Kết cấu bê tông nhựa nóng, mặt đường rộng 17 m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m, dải phân cách giữa rộng 3m, nền đường rộng 26 m. Xây dựng hệ thống thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng; cây xanh; hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm: thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 116,11 tỷ đồng. Trong đó chi phí xây dựng khoảng 58,80 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 11,22 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 38,67 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 12,84 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Cập nhật loại đường đô thị, vận tốc thiết kế, cấp công trình cho phù hợp với Thông tư 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

14. Dự án nâng cấp đường Xuân Thành - Trảng Táo, huyện Xuân Lộc.

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư đường Xuân Thành - Trảng Táo, huyện Xuân Lộc theo quy hoạch của địa phương nhằm phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nông sản của người dân và kết nối giao thông các xã Xuân Thành - Xuân Trường - Xuân Tâm. Tạo điều kiện thuận lợi phát triển khu vực phát triển chăn nuôi tập trung và vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đã được đầu tư.

b) Nội dung và quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Công trình cấp III, vận tốc thiết kế 60 km/h.

Nội dung đầu tư: Xây dựng tuyến đường Xuân Thành - Trảng Táo với chiều dài khoảng 8,0 km, điểm đầu tuyến giao với đường Tỉnh lộ 766, điểm cuối tuyến giao đường Tân Hữu - Trảng Táo. Kết cấu bê tông nhựa nóng, mặt đường rộng 7m, lề đường đắp đất mỗi bên rộng 1m, nền đường rộng 09m. Xây dựng 02 cầu trên tuyến, khổ cầu rộng 10 m. Xây dựng hệ thống thoát nước, hệ thống điện trung, hạ thế, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc; hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm: xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 113,5 tỷ đồng. Trong đó chi phí xây dựng khoảng 75,75 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 7,95 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 6,0 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 23,8 tỷ đồng.

e) Nguồn vốn đầu tư: 50% ngân sách tỉnh, 50% ngân sách huyện.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

15. Dự án đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán .

a) Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo kết nối hệ thống giao thông trên địa bàn huyện và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đặc biệt đối với các xã Phú Cường, La Ngà, Túc Trung là khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung lớn của huyện.

b) Nội dung và quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Công trình cấp III, vận tốc thiết kế 60 km/h.

Nội dung đầu tư: Đầu tư tuyến đường Phú Cường - La Ngà có tổng chiều dài 6.500 m; điểm đầu tại ngã ba giao đường đất hiện hữu (khu vực đò 48 - ấp 94); điểm cuối dự án tại ngã ba giao đường 96 - La Ngà. Kết cấu bê tông nhựa nóng, mặt đường rộng 7 m, lề đường mỗi bên rộng 1m (gia cố lề mỗi bên 0,5 m), nền đường rộng 9 m. Xây dựng hệ thống thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

c) Địa điểm: Xã Túc Trung và xã La Ngà, huyện Định Quán.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

đ) Tổng mức vốn đầu tư: khoảng 145,84 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 78,36 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 8,24 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 39,52 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 19,72 tỷ đồng).

e) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

g) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

h) Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

Phụ lục II**Danh mục các dự án nhóm B, C thông qua
điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư**

*(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

1. Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, huyện Xuân Lộc.

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, huyện Xuân Lộc (đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua tại Văn bản số 338/HĐND-VP ngày 24/6/2016), cụ thể:

- Điều chỉnh quy mô đầu tư: Từ mặt đường rộng 18m, dải phân cách giữa 2 m, vỉa hè mỗi bên 6 m, nền đường là 32m thành mặt đường rộng 20,5 m, dải phân cách giữa rộng 2 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,75m, nền đường rộng 32 m (mặt cắt ngang B = 4,75m + 10,25m + 2m + 10,25m + 4,75m = 32m).

- Điều chỉnh tổng mức đầu tư: từ 274 tỷ đồng lên thành 359,65 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 199,42 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 25,24 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 87,09 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 47,90 tỷ đồng).

- Điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án: từ năm 2019 - 2023 thành từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

2. Dự án nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh, huyện Xuân Lộc.

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, huyện Xuân Lộc (đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua tại Văn bản số 338/HĐND-VP ngày 24/6/2016), cụ thể:

- Điều chỉnh quy mô đầu tư: Từ mặt đường rộng 14 m, vỉa hè mỗi bên 6m, nền đường là 26 m thành mặt đường rộng 26 m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m, mặt đường rộng 16 m.

- Điều chỉnh tổng mức vốn đầu tư khoảng 115 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường, giải tỏa khoảng 14 tỷ đồng) thành khoảng 266,74 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 81,09 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 19,67 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải tỏa khoảng 136,65 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 29,33 tỷ đồng).

- Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, riêng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (nếu có) do ngân sách huyện Xuân Lộc thực hiện hoặc vận động người dân thành ngân sách tỉnh (nguồn đấu giá đất).

- Điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án: Tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án thành dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

- Điều chỉnh các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án và các nội dung liên quan:

+ UBND huyện Xuân Lộc tiếp tục nghiên cứu lập hồ sơ dự án khu dân cư hai bên đường Bảo Hòa - Long Khánh, tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt quy hoạch làm cơ sở quyết định chủ trương đầu tư, tổ chức bồi thường tạo đất sạch bán đấu giá đất một phần, một phần đất để xây dựng khu tái định cư cho cả phần diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án đường Bảo Hòa - Long Khánh và tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng do thu hồi đất thực hiện dự án khu dân cư hai bên đường làm cơ sở để xem xét bố trí vốn đầu tư thực hiện dự án.

+ Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

+ Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

3. Dự án đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo (giai đoạn 1), huyện Nhơn Trạch.

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo (giai đoạn 1), huyện Nhơn Trạch (đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua tại Văn bản số 175/HĐND-VP ngày 24/3/2016), cụ thể:

a) Quy mô đầu tư:

- Về chiều dài tuyến: Điều chỉnh giảm từ 10,5 km thành 5,5 km (giảm 05 km).

- Về quy mô: điều chỉnh tăng từ nền đường 12 m (mặt đường rộng 9 m bê tông nhựa nóng, lề đường mỗi bên 1,5 m bằng đất chọn lọc) thành nền đường 18 m (mặt đường rộng 15 m bê tông nhựa nóng, lề đường mỗi bên 1,5 m bằng đất chọn lọc). Nội dung đầu tư cụ thể gồm:

+ Phần đường giao thông (giai đoạn 1): Xây dựng tuyến đường dài khoảng 5,5 km, điểm đầu tuyến giao với đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ), điểm cuối tuyến tiếp giáp ranh khu công nghiệp Ông Kèo. Mặt đường rộng 15m bằng bê tông nhựa nóng, lề đường mỗi bên 1,5 m bằng đất chọn lọc; Nền đường rộng 18m.

+ Phần cầu trên tuyến (giai đoạn 1) gồm 02 cầu (Cầu Ông Kèo tại Km5+191,03 dài khoảng 280 m; Cầu Rạch Lá tại Km3+560 dài khoảng 74 m). Quy mô khổ cầu rộng 18 m (phần xe chạy 15 m + lề bộ hành 1 bên rộng 2 m + gờ chắn, lan can hai bên, mỗi bên rộng 0,5 m).

b) Điều chỉnh phạm vi bồi thường: từ theo quy mô nền đường 12 m thành 61 m theo lộ giới quy hoạch.

c) Tổng mức đầu tư: điều chỉnh từ 621 tỷ đồng thành 816,335 tỷ đồng (trong đó, chi phí xây dựng 469 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (thu hồi 61m) khoảng 200,335 tỷ đồng, chi phí dự phòng 81 tỷ đồng, chi phí khác 66 tỷ đồng).

d) Thời gian thực hiện dự án: Điều chỉnh từ tối đa 05 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án dự kiến 2018 - 2022 thành không quá 4 năm kể từ ngày bố trí vốn thực hiện dự án.

4. Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cải, thành phố Long Khánh.

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cải, thành phố Long Khánh (đã được được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 16/7/2015), cụ thể:

- Điều chỉnh tổng mức vốn đầu tư từ 334,809 tỷ đồng lên thành 544,659 tỷ đồng (trong đó: chi phí xây dựng khoảng 199,541 tỷ đồng, chi phí mua thiết bị khoảng 0,225 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 22,427 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 297,892 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 24,574 tỷ đồng).

- Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ năm 2019 - 2022 thành không quá 04 năm kể từ ngày bố trí vốn thực hiện dự án.

5. Dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ Ro, tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh.

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ Ro, tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh (đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua tại Văn bản số 175/HĐND-VP ngày 24/3/2016), cụ thể:

a) Mục tiêu đầu tư: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà truyền thống đồng bào dân tộc Chơ Ro kết hợp trụ sở khu phố nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt, giữ gìn và giáo dục truyền thống, gìn các bản sắc văn hóa của đồng bào Chơ Ro và phục vụ trực tiếp các nhu cầu thiết yếu của đồng bào dân tộc Chơ Ro và nhân dân trong khu vực.

b) Quy mô đầu tư sau điều chỉnh:

Đầu tư trước giai đoạn 1. Dự án nhóm C. Tổng diện tích xây dựng giai đoạn 1 khoảng 25.748 m² (2,57 ha) gồm:

- Xây dựng các công trình: Nhà truyền thống đồng bào dân tộc Chơ Ro kết hợp trụ sở khu phố, công viên cây xanh, chiếu sáng nội bộ công viên cây xanh (Không thay đổi so với chủ trương đầu tư được duyệt).

- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật nội bộ gồm: Đường liên khu phố số 7, đường vào khu văn hóa số 2, số 3 và đường số 6 mặt trước khu Nhà truyền thống đồng bào dân tộc Chơ Ro, trên vỉa hè xây dựng hệ thống chiếu sáng kết hợp cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa - kể cả mương dẫn về nguồn tiếp nhận (giảm san nền toàn khu, giảm một số đường giao thông và các công trình theo đường trong ranh dự án so với chủ trương đầu tư được duyệt).

- Cải tạo, nâng cấp đường số 5 đoạn từ đường Hàm Nghi vào ranh dự án: Quy mô: dài khoảng 1,2 km, nền đường 9 m (mặt cắt ngang đường 7 m, vỉa hè hai bên, mỗi bên 1m), đầu tư hệ thống chiếu sáng, thoát nước mưa, ống cấp nước và di dời trụ điện.

c) Nội dung đầu tư xây dựng sau khi điều chỉnh như sau:

* Các nội dung không thay đổi so với chủ trương đầu tư được duyệt:

- Nhà truyền thống đồng bào dân tộc Chơ Ro kết hợp trụ sở khu phố, nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng khoảng 582,32 m² và thiết bị phục.

- Công viên cây xanh, chiếu sáng nội bộ công viên cây xanh.

- Hệ thống cấp điện, trạm biến áp: nâng cấp trạm biến áp TI từ 3x25 KVA lên 3x37,5 KVA, các tuyến trung, hạ thế hiện hữu giữ nguyên hoặc di dời lên vỉa hè và xây mới thêm tuyến trung, hạ thế đầu nối và tuyến hiện hữu.

- Hệ thống thoát nước mưa bằng mương bê tông.

- Hệ thống cấp nước: Khai thác từ nguồn nước ngầm bằng giếng khoan lên bể chứa nước ngầm 150 m³ bơm lên đài nước 20 m³. Hệ thống ống cấp nước bằng ống nhựa HDPE (có phục vụ cứu hỏa).

- Hệ thống chiếu sáng bố trí chung với trụ điện hạ thế hiện hữu (trường hợp trụ điện hạ thế không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đầu tư hệ thống trụ sắt tráng kẽm và đi ngầm).

* Các nội dung thay đổi so với chủ trương đầu tư được duyệt:

- Hệ thống đường giao thông: Quy mô mặt cắt ngang: 4m vỉa hè lát gạch - 7m mặt đường nhựa 4 m vỉa hè lát gạch. Thực hiện đầu tư các đường: Đường số 7 liên khu (chiều dài khoảng 432,15 m), đường vào khu văn hóa số 2 (chiều dài khoảng 232,83 m), đường vào khu văn hóa số 3 (chiều dài khoảng 232,5 m) và đường trước mặt tiền của khu văn hóa; đường số 6 (dài khoảng 294,63 m) nối liền đường số 2 và đường số 3, trên vỉa hè các tuyến đường trên đầu tư các công trình đi theo gồm: Cấp điện, điện chiếu sáng, cấp nước từ trạm trạm bơm, thoát nước mưa; kê cả đoạn mương dẫn nước từ đường số 7 về suối Nàng Quen và đầu tư cải tạo, nâng cấp đường số 5 đoạn từ đường Hàm Nghi đến dự án dài khoảng 1,2 km, nền đường 9 m (mặt cắt ngang đường 7 m, vỉa hè hai bên, mỗi bên 1 m), đầu tư hệ thống chiếu sáng, thoát nước mưa, ống cấp nước và di dời trụ điện.

d) Địa điểm khu phố Ruộng Lớn, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh.

đ) Tổng mức đầu tư điều chỉnh từ 67,080 tỷ đồng thành 73 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 33,86 tỷ đồng, chi phí thiết bị 0,68 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 6,62 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải tỏa khoảng 27,73 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 4,11 tỷ đồng).

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT**Cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;**Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;**Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;**Xét Tờ trình số 14251/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Thống nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai dự kiến là 74.586.904 triệu đồng, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|------------------------|
| 1. Vốn ngân sách địa phương: | 37.233.289 triệu đồng. |
| a) Nguồn vốn ngân sách tập trung: | 18.299.131 triệu đồng. |
| b) Nguồn thu tiền sử dụng đất: | 10.000.000 triệu đồng. |
| c) Nguồn vốn xổ số kiến thiết: | 8.100.000 triệu đồng. |
| d) Bội chi ngân sách địa phương: | 834.158 triệu đồng. |

2. Dự kiến nguồn khai thác đầu giá đất:	23.000.000 triệu đồng.
3. Vốn ngân sách trung ương:	14.353.615 triệu đồng.
a) Vốn trong nước:	12.321.015 triệu đồng.
b) Vốn nước ngoài:	2.032.600 triệu đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục I, II, III, IV và V đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

Phụ lục I**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI**
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2020		Dự kiến KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	24.582.592	24.203.190	74.586.904
A	Vốn ngân sách địa phương	7.471.652	7.092.250	37.233.289
	Trong đó:			
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3.931.652	3.629.250	18.299.131
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000	2.000.000	10.000.000
	Trong đó:			
	+ Phân bổ vốn theo dự án	1.458.103	1.458.103	6.000.000
	+ Bổ sung quỹ phát triển nhà và quỹ phát triển đất	541.897	541.897	4.000.000
-	Xổ số kiến thiết	1.540.000	1.463.000	8.100.000
-	Bồi chi ngân sách địa phương	0		834.158
B	Nguồn khai thác đấu giá đất			23.000.000
C	Vốn ngân sách trung ương	17.110.940	17.110.940	14.353.615
I	Vốn trong nước	17.110.940	17.110.940	12.321.015
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực			
	Trong đó:			
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	17.057.567	17.057.567	4.660.965
-	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững			4.312.000
-	Hỗ trợ có mục tiêu	53.373	53.373	3.348.050
II	Vốn nước ngoài	0	0	2.032.600

Phụ lục II
BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN ĐẦU GIÁ ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Giai đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số			17.584.729	4.027.371	18.299.131	23.000.000	
A	Thực hiện dự án					7.644.522	3.956.000	-
I	Giao thông							-
I.1	Dự án chuyển tiếp							
1	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL1A từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMĐT)	TB	2018-2021	106.500	61.644	12.900		UBND huyện Trảng Bom
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023	214.700	161.465	40.000		UBND huyện Thống Nhất
3	Nâng cấp tuyến đường Suối Chồn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	LK	2018-2022	136.700	77.748	10.000		UBND thành phố Long Khánh
4	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT 769), kể cả Bồi thường giải phóng mặt bằng do huyện Thống Nhất thực hiện)	TN	2017-2021	160.152	120.141	5.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (05 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	2017-2021	314.732	122.973	35.000		UBND huyện Long Thành
6	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK	2019-2021	131.234	108.400	10.000		UBND thành phố Long Khánh
7	Dự án kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2019-2022	35.136	18.345	15.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án cải tạo đường Hùng vương - thành phố Long Khánh (ngân sách tỉnh 50%)	LK	2020-2024	156.854	22.470	55.000		UBND thành phố Long Khánh
9	Dự án đầu tư xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán (kể cả chi phí BTGPMB do UBND huyện Định Quán làm Chủ đầu tư)	ĐQ	2020-2024	138.034	87.500	30.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Đường Xuân Mỹ đi Bảo Bình	CM	Tối đa 03 năm	72.896	25.500	47.300		UBND huyện Cẩm Mỹ

11	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường xung quanh Hồ cầu Dầu, thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 03 năm	38568	15000	15000		UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thị xã Long Khánh (NST hỗ trợ 100% chi phí xây lắp)	LK	Tối đa 03 năm	29.600	10.000	10.500		UBND thành phố Long Khánh
13	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	2019-2023	91564	25.000	65.000		UBND huyện Tân Phú
14	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú	TP	2019-2023	85963	68.000	17.000		UBND huyện Tân Phú
15	Đường đê bao Đồng Hiệp, huyện Tân Phú	TP	2020-2022	26092	9.500	16.500		UBND huyện Tân Phú
16	Dự án Mở rộng đường từ Quốc lộ 20 vào Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT)	TN	Tối đa 03 năm	11.500	3.000	1.000		UBND huyện Thống Nhất
17	Dự án tuyến đường Bình Lộc - Tín Nghĩa, thị xã Long Khánh (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	LK	2020-2022	79.668	18.500	10.000		UBND thành phố Long Khánh
18	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km0+000 đến Km29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	2019-2023	599.946	250.076	0	122.000	-
	Trong đó							-
a	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km0+000 đến Km8+300 và Km15+000 đến Km24+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện			599.946	250.076		42.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện				-		60.000	UBND huyện Xuân Lộc
c	Nâng cấp đường ĐT 763 đoạn còn lại (gồm các đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến), kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc và Định Quán thực hiện						20.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
19	Đường Hương lộ 2 - đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	Tối đa 05 năm	783.000	46.968	0	615.000	-
	Trong đó							-
a	Đường Hương lộ 2 - đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				45.968		135.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện				1.000		480.000	UBND thành phố Biên Hòa

20	Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	Tối đa 05 năm	388.000	106.441	0	126.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
21	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	Tối đa 05 năm	671.200	355.353	0	164.700	-
	Trong đó							-
a	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				96.653		105.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện				258.700		59.700	UBND huyện Vĩnh Cửu
22	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	Tối đa 05 năm	77.971	1.000	50.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
23	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	Tối đa 05 năm	79.788	1.000	52.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
24	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	Tối đa 05 năm	1.289.160	120.000		600.000	UBND thành phố Biên Hòa
25	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ Nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	53058	500	50.000		UBND thành phố Long Khánh
II	Quản lý nhà nước							-
II.1	Dự án chuyển tiếp							
1	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	BH	2018-2022	54.846	24.660	27.000		Sở Lao động, thương binh và xã hội
2	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành (NST hỗ trợ xây lắp, không hỗ trợ thiết bị)	LT	2020-2022	27.231	8.000	8.000		UBND huyện Long Thành
3	Dự án đầu tư xây mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch + sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch (NST hỗ trợ hỗ trợ khoảng 8,3 tỷ XD Nhà làm việc UBMTTQ và các đoàn thể)	NT	Tối đa 03 năm	19360	2.500	2.100		UBND huyện Nhơn Trạch
III	Hạ tầng công cộng							-
III.1	Dự án chuyển tiếp							
1	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB)	NT	2017-2021	310.753	197.461	3.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

2	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả BTGPMB do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH - LT	2017-2021	157.345	100.715	50.400	0	-
	Trong đó:							-
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư				8.715	45.400		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				92.000	5.000		UBND thành phố Biên Hòa
4	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2021	181.919	99.563	75.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
5	Tuyển thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2021	31.368	16.400	12.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2017-2022	584.830	183.773	135.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	Theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	290.381	14.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021	39.953	9.832	21.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	26.981	23.500	750		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Dự án nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.991	10.000	4.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.999	10.000	4.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
12	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	ĐQ	tối đa 5 năm	65.062	5.849	58.000		UBND huyện Định Quán
IV	Nông - Lâm - Thủy lợi							-
IV.1	Dự án chuyển tiếp							
1	Dự án thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ) ngân sách tỉnh 138 tỷ	ĐQ	2017-2022	243.000	62.515	90.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2023	454.601	287.148	160.000		UBND huyện Định Quán
3	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2021	131.018	105.427	20.000		UBND thành phố Long Khánh

4	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa - dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do TP Biên Hòa thực hiện)	BH	2017-2021	373.172	266.159	71.000	0	-
	Trong đó:							-
a	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				208.789	66.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				57.370	5.000		UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	35.714	12.815	21.000		UBND huyện Thống Nhất
6	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021	75481; 49604	21.371	25.000		UBND huyện Định Quán
7	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	Tối đa 03 năm	55.900	44.375	11.500		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
8	Nạo vét Rạch Mọi xã Bình Hòa	VC	2019-2021	45816	20.401	22.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
9	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cái (ngân sách thị xã chi bồi thường 55,4 tỷ	LK	tối đa 4 năm	544.659	24.592	171.000		UBND thành phố Long Khánh
10	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	tối đa 5 năm	29.119	10.000	17.000		Chi cục Kiểm lâm
11	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2024	131.058	8.295	120.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
V	An ninh quốc phòng							-
V.1	Dự án chuyển tiếp							
1	Dự án Trung tâm Chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2022	654.000	144.361	460.000		Công an tỉnh Đồng Nai
2	Dự án quốc phòng ĐA2 (Dự án mật) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)		tối đa 5 năm	125.000	89.392	30.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
3	Nâng cấp Hệ thống Hội nghị truyền hình Công an tỉnh	BH	2021-2023	8.732	123	8.560		Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Khoa học công nghệ							-
VI.1	Dự án chuyển tiếp							

1	Dự án nâng cấp, kết nối liên thông phần mềm giao dịch bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước	BH	tối đa 3 năm	3500	1600	1700		Sở Tư Pháp
2	Trung tâm chiếu xạ Sở Khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70% khoảng 130 tỷ)	CM	2017-2021	187.635	46.000	80.000		Sở Khoa học và Công nghệ
VII	Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch (VB 2465/UBND-KT ngày 08/3/2019)				1.000	100.000		-
VIII	Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch				59.939	100.000		-
IX	Dự phòng bố trí bổ sung các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016 - 2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021 và phân bổ các dự án mới giai đoạn 2021 - 2025					5.174.312	2.327.800	-
B	Thực hiện dự án giai đoạn 2021 - 2025					2.740.170	19.044.000	
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 05 năm	3.247.000	500		3.200.000	UBND thành phố Biên Hòa
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	Tối đa 05 năm	1.146.000	500		1.100.000	UBND thành phố Biên Hòa
3	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	Tối đa 04 năm	216.200			200.000	UBND huyện Nhơn Trạch
4	Dự án xây dựng Công viên và kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	Tối đa 05 năm	614.100	2.500		110.000	UBND thành phố Biên Hòa
5	Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	88.920		85.000		UBND huyện Trảng Bom
6	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	Tối đa 04 năm	110.330		105.000		UBND huyện Trảng Bom
7	Dự án đường ven Sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 06 năm	713.000	1.400		200.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	Tối đa 06 năm	1.985.000	1500		600.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

9	Dự án đường Bàu Trâm - Xuân Thọ, thành phố Long Khánh		2021-2023	30.100	500	27.000		UBND thành phố Long Khánh
10	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	XL	Tối đa 03 năm	36.000		33.000		UBND huyện Xuân Lộc
11	Dự án xây dựng một số hạng mục thuộc Tiểu dự án trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 03 năm	10.000	200	9.500		UBND thành phố Biên Hòa
12	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát (kể cả chi phí CBĐT)	BH	2020-2023	73.641	1.153	72.488		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
13	Nạo vét Suối Sắn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	2018-2022	377.000	687	375.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
14	Triển khai các hệ thống bao gồm các giải pháp phần cứng, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo trong công tác phòng cháy chữa cháy	BH	2021-2023	7.027		7.000		Công an tỉnh Đồng Nai
15	Dự án đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	Tối đa 03 năm	12000	370	5.500		UBND huyện Thống Nhất
16	Dự án đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐQ	Tối đa 05 năm	103.241	500	48.000		UBND huyện Định Quán
17	Dự án đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% xây lắp)	ĐQ	Tối đa 03 năm	36.300	200	22.500		UBND huyện Định Quán
18	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	Tối đa 03 năm	77.600		35.000		UBND thành phố Long Khánh
19	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1)	BH	Tối đa 05 năm	651.813	2.000		532.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
20	Dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	Tối đa 05 năm	124.000	500	62.000		UBND huyện Định Quán
21	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000 - Km2+000	TN	Tối đa 03 năm	59200	200	50.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
22	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 30/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%)	TB	Tối đa 03 năm	52400	500	26.000		UBND huyện Trảng Bom

23	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 04 năm	239000	800	220.000		UBND huyện Định Quán
24	Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 15, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	Tối đa 04 năm	130000		71.300		UBND huyện Vĩnh Cửu
25	Dự án nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 04 năm	93830		85.000		Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai
26	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 39 tỷ), chưa triển khai do UBND thành phố Biên Hòa chưa thực hiện bồi thường	BH	Tối đa 04 năm	88.609		38.800		UBND thành phố Biên Hòa
27	Dự án đường tránh ngã tư Dầu Giây nối tỉnh lộ 769 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	Tối đa 05 năm	111.603	700	100.000		UBND huyện Thống Nhất
28	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại), huyện đã đầu tư đường số 9 đến đường số 2	NT	Tối đa 05 năm	646.000	500		400.000	UBND huyện Nhơn Trạch
29	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	BH	Tối đa 03 năm	47.625	500	45.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
30	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2020-2024	99.841	1.432	95.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
31	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020-2024	107.180	1.896	100.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
32	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh phú, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	38.300		110.492		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
33	Dự án nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 05 năm	151.440	1.000		145.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
34	Trạm xử lý nước thải 2.000 m ³ /ngày đêm tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai	CM	2019-2021	32.700	233	32.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
35	Dự án tuyển thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 05 năm	100.000	408	95.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
36	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC	Tối đa 03 năm	11.800	300	11.500		Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai

37	Dự án Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 05 năm	87026	1.942	80.000		Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai
38	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 04 năm	120938	800		114.000	UBND huyện Tân Phú
39	Dự án Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP	Tối đa 05 năm	101143	2520		97.000	Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
40	Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	VC	Tối đa 05 năm	93.955	500		90.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
41	Đường Thừa Đức đi thị xã Long Khánh	CM	Tối đa 05 năm	145.437	980	143.400		UBND huyện Cẩm Mỹ
42	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	Tối đa 04 năm	130000			120.000	UBND huyện Tân Phú
43	Dự án xây dựng mới đập dâng Long Anh, huyện Long Thành	LT	Tối đa 03 năm	44.550		40.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
44	Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	TN	Tối đa 04 năm	199.000			180.000	UBND huyện Thống Nhất
45	Đường song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1820+830 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 04 năm	183.000			160.000	UBND huyện Thống Nhất
46	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm Bến xe Long Khánh và điểm công viên tượng đài), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	LK	Tối đa 04 năm	212.400		82.000		UBND thành phố Long Khánh
47	Dự án cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 04 năm	107.070		100.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
48	Dự án cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 03 năm	59.770		55.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
49	Dự án cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 03 năm	55.030		50.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

50	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	CM	Tối đa 04 năm	169.230			160.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
51	Đường dọc Sông Ray	CM	Tối đa 04 năm	189.220			180.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
52	Đường ấp 4 Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 03 năm	59.160		55.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
53	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	Tối đa 04 năm	113.620			110.000	UBND thành phố Long Khánh
54	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	Tối đa 03 năm	70.310		67.000		UBND thành phố Long Khánh
55	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhơn Trạch (NST100%,)	NT	Tối đa 04 năm	639.040			600.000	UBND huyện Nhơn Trạch
56	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhơn Trạch (NST100%, không có bồi thường)	NT	Tối đa 04 năm	157.767			140.000	UBND huyện Nhơn Trạch
57	Kiên cố hóa kênh mương Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường)	NT	Tối đa 04 năm	207.624			150.000	UBND huyện Nhơn Trạch
58	Đường Bùi Thị Xuân (NST 100%)	LT	Tối đa 04 năm	171.500			160.000	UBND huyện Long Thành
59	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST100%)	LT- NT	Tối đa 04 năm	1493500			1.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
61	Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 03 năm	48.740		42.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
62	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, NST 50%	XL	Tối đa 04 năm	359.650	783		171.000	UBND huyện Xuân Lộc
63	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 04 năm	816.335	2.000		750.000	UBND huyện Nhơn Trạch
64	Dự án Hồ Gia Ui 2, huyện Xuân Lộc	XL	2020- 2024	332.900			300.000	UBND huyện Xuân Lộc
65	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 04 năm	1.082.000			500.000	UBND thành phố Long Khánh
66	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	Tối đa 04 năm	1.858.000			1.650.000	UBND thành phố Long Khánh

67	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST100%)	CM-LK	Tối đa 04 năm	462.270			450.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
68	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT. 774B (Tà Lài - Trà Cỏ) (NST100%)	TP-ĐQ	Tối đa 04 năm	852.060			800.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
69	nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100 - Km18+100 và đoạn từ Km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183), huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu (NST100%)	XL-ĐQ-VC	Tối đa 04 năm	935.910			850.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
70	Đầu tư xây dựng đường 25C đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng (NST100%)	NT	Tối đa 04 năm	875.780			780.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
71	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	Tối đa 04 năm	654.490			620.000	UBND huyện Trảng Bom
72	Mở rộng đường Lê Duẩn (NST hỗ trợ 50% chi phí xây lắp)	LT	Tối đa 04 năm	1.025.670			150.000	UBND huyện Long Thành
73	Hầm chui kết nối dự án đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị	BH	Tối đa 04 năm	310.000			280.000	UBND thành phố Biên Hòa
74	Dự án đường trục trung tâm (từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu)	BH	Tối đa 05 năm	1.545.000			1.400.000	UBND thành phố Biên Hòa
75	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (suối Xiệp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương	BH	Tối đa 03 năm	163.110			160.000	UBND thành phố Biên Hòa
76	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMĐT)	XL	Tối đa 04 năm	174.500			85.000	UBND huyện Xuân Lộc
77	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	XL	Tối đa 04 năm	116.110			110.000	UBND huyện Xuân Lộc
78	Đường Xuân Thành Trảng Táo (NST 50% TMĐT)	XL	Tối đa 04 năm	113.500		50.000		UBND huyện Xuân Lộc
79	Nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh (100% NST)	XL	Tối đa 05 năm	266.740	2.000		100.000	UBND huyện Xuân Lộc
80	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 04 năm	145.840			140.000	UBND huyện Định Quán

C	Các dự án được UBND tỉnh chấp thuận lập chủ trương đầu tư							
1	Đường gom dân sinh cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu giây (100% NST)	LT				100		UBND huyện Long Thành
2	Nâng cấp đường Hương lộ 21 (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100		UBND huyện Long Thành
3	Đường lò gạch Cầu Nước trong (đoạn từ QL51 vào KCN Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100		UBND huyện Long Thành
4	Đường Vũ Hồng Phô (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100		UBND huyện Long Thành
5	Đường Bung Môn (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100		UBND huyện Long Thành
6	Đường Long Phước - Phước Thái (NST)	LT				100		UBND huyện Long Thành
7	Đường Phước Bình - Bầu Cạn - Cẩm Đường (NST 100%)	LT				100		UBND huyện Long Thành
8	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Văn Hòa (đoạn từ ngã tư Tam Hiệp đến nút giao tuyến tránh Quốc lộ 1, thành phố Biên Hòa)	BH				100		UBND thành phố Biên Hòa
9	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH				100		UBND thành phố Biên Hòa
10	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến giáp ranh tỉnh Bình Dương	BH				100		UBND thành phố Biên Hòa
11	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	ĐN				100		Công an tỉnh Đồng Nai
12	Dự án đầu tư trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2021 - 2025	ĐN				100		Công an tỉnh Đồng Nai
13	Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Đồng Nai (NST50%, BCA50%, BCA duyệt CTĐT)	BH				100		Công an tỉnh Đồng Nai
14	Đường quan Hồ Núi Le (NST 100%)	XL				100		UBND huyện Xuân Lộc
15	Xây dựng bờ kè bảo vệ suối đầu nguồn và khu xử lý nước thải đô thị để đảm bảo an toàn vệ sinh nguồn nước tiếp nhận vào Hồ Núi Le (100%)	XL				100		UBND huyện Xuân Lộc

16	Đường quanh núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL				100		UBND huyện Xuân Lộc
17	Đường Trương Công Định, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL				100		UBND huyện Xuân Lộc
18	Tuyến Quốc lộ 1 tránh nội ô thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK				100		UBND thành phố Long Khánh
19	Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bàu Trâm (NST 100%)	LK				100		UBND thành phố Long Khánh
20	Đường Ngô Quyền (đoạn từ đường Vành đai 2 đến cầu Đồng Háp) Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bàu Trâm (NST 100%)	LK				100		UBND thành phố Long Khánh
21	Kiên cố hóa bờ suối kết hợp công viên cây xanh dọc suối Rết, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK				100		UBND thành phố Long Khánh
22	Dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, kết hợp giao thông nội vùng ở khu vực gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn qua khu vực xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP				100		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
23	Đường song hành Quốc lộ 20 phía Tây	TN				100		UBND huyện Thống Nhất
24	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa xã số 1 KCN Dầu Giây	TN				100		UBND huyện Thống Nhất
25	Nạo vét và kè hai bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiệm Tân)	TN				100		UBND huyện Thống Nhất
26	Dự án lát đá vỉa hè qua các khu dân cư dọc Quốc lộ 20, đoạn qua 5 xã Kiệm Tân (NST50%)	TN				100		UBND huyện Thống Nhất
27	Dự án đường N12, huyện Thống Nhất	TN				100		UBND huyện Thống Nhất
28	Đầu tư xây dựng đường liên huyện Suối Tre - Bình Lộc (ĐT.770) (NST100%)	LK				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
29	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.772 (Trảng Bom - Xuân Lộc) (NST100%)	TB-XL				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
30	Nâng cấp đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ QL1 đến giao với đường Võ Nguyên Giáp, TP BH và huyện TB	LT-BH-TB				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
31	Xây dựng mới tuyến đường ĐT 768B, TP BH và huyện Vĩnh Cửu	BH-VC				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
32	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hảo phường An Bình thành phố Biên Hòa (NST100%)	BH				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

33	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
34	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An giáp tỉnh Bình Dương (thuộc phường Hóa An và Tân Hạnh)	BH				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
35	Hồ chứa nước Thoại Hương (chuyển Chủ đầu tư)	CM	Tối đa 03 năm			100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
36	Tuyến đường Quang Trung và tuyến Lê Đại Hành, huyện Vĩnh Cửu (100% NST)	VC				100		UBND huyện Vĩnh Cửu
37	Đường Vành đai thành phố Biên Hòa (đoạn từ giao Hương lộ 7 đến đoạn giao với ĐT.768), huyện Vĩnh Cửu NST100% (nguồn đất)	VC				100		UBND huyện Vĩnh Cửu
38	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC				100		UBND huyện Vĩnh Cửu
39	Đường Ven hồ Trị An, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC				100		UBND huyện Vĩnh Cửu
40	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC				100		UBND huyện Vĩnh Cửu
41	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Láng Nguyên, huyện Vĩnh Cửu NST100%					100		UBND huyện Vĩnh Cửu
42	Trạm bơm áp 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP				100		UBND huyện Tân Phú
43	Nâng cấp sửa chữa đường 118 (đường 118-Sông Đồng Nai)	ĐQ				100		UBND huyện Định Quán
44	Nâng cấp sửa chữa đường cầu Trắng	ĐQ				100		UBND huyện Định Quán
45	Trạm bơm TaRua xã Suối Nho, huyện Định Quán (100%NST)	ĐQ				100		UBND huyện Định Quán
46	Trạm bơm Đồng Hiệp					100		UBND huyện Tân Phú
47	Hồ chứa nước Suối Đá, xã Núi Tượng					100		UBND huyện Tân Phú
48	Dự án trang thiết bị kiểm soát không chế thiết bị bay không người lái trong bảo đảm an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	ĐN				100		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
49	Đường Vành đai Long Giao (giai đoạn 1) (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB), (thực hiện từ nguồn đầu giá trên địa bàn huyện)	CM				100		UBND huyện Cẩm Mỹ
50	Đường N1 huyện Cẩm Mỹ (NST100%)	CM				100		UBND huyện Cẩm Mỹ

51	Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện ra Suối Cả) (NST100%)	CM				100		UBND huyện Cẩm Mỹ
52	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu, huyện Trảng Bom (NST100%)	TB				100		UBND huyện Trảng Bom
53	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bầu Hàm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB				100		UBND huyện Trảng Bom
54	Nâng cấp, mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB				100		UBND huyện Trảng Bom
55	Cải tạo, chỉnh trang Trung tâm hành chính huyện và xây dựng Trụ sở Trung tâm hành chính công huyện Trảng Bom	TB				100		UBND huyện Trảng Bom
56	Dự án hệ thống thoát nước chống ngập xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	LT				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
57	Đường Hương Lộ 12 (đường Bà Ký) (NST 100%)	LT				100		UBND huyện Long Thành
58	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769	TN-LT				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
59	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773	XL-CM-LK				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
60	Dự án đường 769E đoạn từ ranh Cảng HHKQT Kong Thành đến Vành đai 4	LT				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
61	Dự án tuyến đường Vành đai 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ĐT.769	TB-LT				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
62	Dự án đường ĐT.770B (từ ĐT.763 đến Quốc lộ 51)	ĐQ-TN-LT				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
63	Dự án đường chuyên dùng Phước Bình	LT				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
64	Dự án mở rộng đường ra Cảng Phước An (đoạn từ giao với đường 319 đến cao tốc Bến Lức - Long Thành)	LT-NT				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
65	Dự án kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù Lao phổ), thành phố Biên Hòa	LT-NT				100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
66	Đường Mã Vôi, xã Bảo Hòa, NST100%	XL				100		UBND huyện Xuân Lộc

	Một số dự án khác theo chủ trương của UBND tỉnh					2090		-
D	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện					242.439	0	-
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn					242.439	0	-
1	Mương thoát nước dọc tuyến đường Bình Minh - Giang Điền, huyện Trảng Bom (tối đa 20 tỷ)	TB			10.161	9.839		UBND huyện Trảng Bom
2	Xây dựng đường vào Cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (tối đa 35,4 tỷ)	CM			30000	5.400		UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành, huyện Cẩm Mỹ	CM				29.800		UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Dự án đường từ xã Đắc Lua đi huyện Đăng Hà, tỉnh Bình Phước	TP			30.000	48.400		UBND huyện Tân Phú
5	Nâng cấp, mở rộng đường Be 129, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú	TP				49.000		UBND huyện Tân Phú
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016 - 2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)					100.000		-
E	Phân cấp cho cấp huyện giao chỉ tiêu					7.172.000		-
G	Hỗ trợ các dự án XHHGTNT					500.000		-

Phụ lục III
BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số				828.871	8.100.000	-
A	Thực hiện dự án				824.821	830.560	-
I	Y tế				353.803	312.870	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				354.303	312.870	
1	Khởi điều trị bệnh viện Thống Nhất	BH	2017-2021	600.000	297.827	240.000	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất
2	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2019-2021	11.940	2.285	4.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	11.597	2.600	3.900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	16.443	2.300	7.850	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	15.246	7.791	500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 03 năm	28271	10.000	16.320	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Dự án xây dựng khu khám và thăm mý Bệnh viện Da liễu Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	Tối đa 03 năm	30.841	19.000	10.000	Bệnh viện Da liễu Đồng Nai
11	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	Tối đa 03 năm	30.648	12.000	16.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Cải tạo, nâng cấp, làm mới một số hạng mục đã xuống cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 03 năm	14.591	500	13.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
II	Giáo dục - đào tạo				131.067	9.700	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021						
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH	2016-2021	139.015	127.117	3.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, vỉa hè, mương thoát nước và sân khu dạy học trường Đại học Đồng Nai	BH	2020-2022	10.528	3.950	6.200	Trường Đại học Đồng Nai
III	Văn hóa xã hội				144.137	76.000	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				144.137	76.000	
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	2018-2022	146.000	49.544	31.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Làng Văn hóa Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	LK	2018-2021	73.000	37.600	20.000	UBND thành phố Long Khánh

3	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	LK	2017-2021	62.976	37.093	2.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	TP	2019-2021	2.869	1.000	1.500	UBND huyện Tân Phú
5	Dự án Trung tâm Tổ chức sự kiện huyện Tân Phú	TP	2019-2021	19025	9.000	8.900	UBND huyện Tân Phú
6	Xây dựng hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao của người dân xung quanh Sân vận động tỉnh	BH	Tối đa 03 năm	11.265	4.900	5.600	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
7	Xây dựng đường dây trung thế, nâng cấp đường dây hạ thế ngầm, MCCB đảm bảo đáp ứng cho trạm biến áp 1.000 KVA tại Sân vận động tỉnh hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao	BH	2020-2022	12.795	5.000	6.400	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
8	Dự án đầu tư mới 01 xe truyền hình màu lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (NST tối đa 25 tỷ đồng, phần còn lại thuộc nguồn vốn của Đài)	BH	2020-2022	35.000		25.000	Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai
IV	Các lĩnh vực khác				195.314	356.990	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				195.314	356.990	
1	Dự án phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	Tối đa 03 năm	15.639	9.200	4.800	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
2	Dự án nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL	Tối đa 03 năm	45.698	30.370	11.500	UBND huyện Xuân Lộc
3	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, thị xã Long Khánh (NST 50% + NSH 50%)	LK	Tối đa 03 năm	55.991	14.200	10.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Dự án đầu tư đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	ĐQ	Tối đa 05 năm	297.932	51.600	202.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ Km1+600 đến Km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	TP+ĐQ	Tối đa 05 năm	114.660	31.300	55.190	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 05 năm	91.092	44.644	45.000	UBND huyện Định Quán
7	Dự án xây dựng văn phòng ổn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	Tối đa 03 năm	48292	14.000	28.000	Sở Giao thông Vận tải
IV	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội					50.000	-
V	Dự phòng giai đoạn 2022 - 2025					2.766.340	-

B	Lập chủ trương đầu tư và chuẩn bị đầu tư				0		-
	Dự án khởi công mới 2021 - 2025				4.050	277.100	-
1	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình	TP	Tối đa 03 năm	15.000	500	14.500	UBND huyện Tân Phú
2	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP	Tối đa 03 năm	14.687	200	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT	2019-2021	13.009	300	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 03 năm	10.353	200	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế xã Phước Tân - TP. Biên Hòa	BH	Tối đa 03 năm	9.291	250	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Trạm Y tế phường Thống Nhất - TP. Biên Hòa,	BH	2019-2021	8.544	300	7.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm Y tế phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 03 năm	7.566	300	7.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Trạm Y tế xã An Hòa - TP. Biên Hòa	BH	Tối đa 03 năm	9.688	400	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Cải tạo Trung tâm Y tế huyện Long Thành	LT	Tối đa 03 năm	12.611	100	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 03 năm	10.790	100	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 05 năm	92.447	100	92.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao (NST100%)	LT	Tối đa 03 năm	12.995	400	12.000	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Đồng Nai
13	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Đồng Nai)	BH	Tối đa 03 năm	36.360	400	35.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
14	Sửa chữa cải tạo sân vận động tỉnh	BH	Tối đa 03 năm	11.769	500	10.500	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
15	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai	BH	Tối đa 03 năm	14.940	-	13.500	Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
16	Dự án nâng cấp, sửa chữa hệ thống sân đường, hàng rào, mương thoát nước, vỉa hè Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 03 năm	13.380		13.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
II	Lập chủ trương đầu tư						
1	Dự án nhà thi đấu đa năng kết hợp quảng trường thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK				800	UBND thành phố Long Khánh

2	Trung tâm Hành chính công thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK				800	UBND thành phố Long Khánh
3	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch	NT				100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trung tâm Y tế huyện Biên Hòa	BH				100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án xây dựng bệnh viện dã chiến đáp ứng cách ly, điều trị bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	XL				100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong	TB				100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Cải tạo nâng cấp hoàn chỉnh Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn Quốc Gia	XL				100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Xây dựng mới trường THPT Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	NT				100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Trùng tu, tôn tạo di tích mộ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên địa hội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa	BH				100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Xây dựng nhà bia tưởng niệm các anh hùng Liệt sỹ Trung đoàn 4	XL				100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Tu tạo Đền thờ Quốc tổ Hùng Vương tại xã Phú Sơn (NST+ XHH)	TP				100	UBND huyện Tân Phú
12	Nhà thi đấu đa năng, huyện Cẩm Mỹ (NST100%)	CM				100	UBND huyện Cẩm Mỹ
	Các dự án khác (khi có chủ trương của UBND tỉnh)					4.000	-
C	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện					486.000	-
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn					130.000	-
1	Xây dựng trường mầm non Sông Ray				15.000	16.500	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Dự án Xây dựng trường tiểu học – THCS Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu					38.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
3	Đường 30 tháng 4 huyện Trảng Bom				30.000	18.000	UBND huyện Trảng Bom
4	Dự án Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai huyện Định Quán					57.500	UBND huyện Định Quán
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016 - 2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)					356.000	-
D	Phân cấp cho UBND cấp huyện giao chỉ tiêu kế hoạch					3.240.000	-
E	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa					500.000	-

Phụ lục IV
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH năm 2020		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Dự kiến TH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW			Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó:	
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	TỔNG SỐ					35.106.259	30.674.494	6.744.535	6.732.835	18.430.903	18.337.695	12.321.015	0	0			
A	Dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa					28.920.000	27.168.000	6.705.035	6.705.035	18.195.035	18.195.035	8.972.965	0	0			
A.1	Nguồn vốn phân bổ cho dự án quan trọng quốc gia					22.856.000	22.856.000	6.705.035	6.705.035	18.195.035	18.195.035	4.660.965	0	0			
	Giao thông					22.856.000	22.856.000	6.705.035	6.705.035	18.195.035	18.195.035	4.660.965	0	0			
III	Thực hiện dự án																
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021																
a	Dự án quan trọng quốc gia																
1	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành (vốn trái phiếu Chính phủ)	LT		2018-2021	1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018	22.856.000	22.856.000	6.705.035	6.705.035	18.195.035	18.195.035	4.660.965	0	0			
A.2	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KT-XH nhanh, bền vững					6.064.000	4.312.000	0	0	0	0	4.312.000	0	0			
	Giao thông					6.064.000	4.312.000	0	0	0	0	4.312.000	0	0			
I	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư																
a	Dự án nhóm A																
1	Dự án đường Liên Cảng tại huyện Nhơn Trạch	NT				6.064.000	4.312.000	0	0	0	0	4.312.000	0	0			
B	Hỗ trợ có mục tiêu					6.186.259	3.506.494	39.500	27.800	235.868	142.660	3.348.050	0	0			
B.1	Giao thông					5.871.812	3.204.244	22.400	12.900	213.768	122.760	3.065.700	0	0			
III	Thực hiện dự án																

(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021														
b	Dự án nhóm B														
1	Dự án xây dựng trung tâm công tác xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Nai	BH		2020-2024	3439/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	49.952	45.000	15.000	12.800	15.000	12.800	32.200	0	0	
B.3	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					27.795	20.550	2.100	2.100	7.100	7.100	13.450	0	0	
III	Thực hiện dự án														
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021														
c	Dự án nhóm C														
1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 (giai đoạn 1)	ĐN		2019-2021	3602/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	27.795	20.550	2.100	2.100	7.100	7.100	13.450	0	0	
B.4	Môi trường					236.700	236.700	0	0	0	0	236.700	0	0	
III	Thực hiện dự án														
(4)	Dự án khởi công mới năm 2021														
b	Dự án nhóm B														
1	Dự án kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai bảo vệ thành phố Biên Hòa (đoạn 2 từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phố)	BH				236.700	236.700	0	0	0	0	236.700	0	0	(*)

(*) Ghi chú: Văn bản 11210/UBND-KTNS ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai xin chuyển từ nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu tăng trưởng xanh (vốn nước ngoài) sang nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước).

Phụ lục V

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng																													
TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2020				Kế hoạch năm 2020						Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025					Dự kiến KH năm 2021	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT																							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																			
							Vốn đối ứng		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt																			
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW		Trong đó:																			
										Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	30	27			
	TỔNG SỐ						1.277.853				5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						1.277.853				5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			
I	Môi trường						1.277.853				5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			
3	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021																												
a	Dự án nhóm A																												
(1)	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai (đoạn 1)	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	30/8/2017	30/8/2027	246/QĐ-UBND ngày 20/01/2017	6.610.252	1.277.853	0			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0				2.032.600			2.032.600	98.833			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Kế hoạch đầu tư công năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 14250/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

- | | |
|--|------------------------|
| 1. Tổng nguồn vốn ngân sách: | 14.235.583 triệu đồng. |
| a) Nguồn vốn ngân sách tập trung | 3.246.200 triệu đồng. |
| b) Nguồn vốn xổ số kiến thiết : | 1.620.000 triệu đồng. |
| c) Nguồn vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất (bao gồm nguồn vượt thu tiền sử dụng đất): | 4.200.000 triệu đồng. |
| d) Nguồn bội chi ngân sách địa phương : | 5.400 triệu đồng. |
| đ) Nguồn vốn ngân sách trung ương: | 5.163.983 triệu đồng. |
| 2. Nội dung phân bổ nguồn vốn: | |
| a) Nguồn vốn do UBND tỉnh giao chỉ tiêu: | 10.994.083 triệu đồng. |
| - Nguồn vốn ngân sách tập trung: | 1.887.700 triệu đồng. |
| + Hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa: | 100.000 triệu đồng. |
| + Nguồn vốn giao chỉ tiêu đối với các dự án: | 1.787.700 triệu đồng. |
| - Nguồn vốn xổ số kiến thiết: | 937.000 triệu đồng. |

+ Nguồn vốn giao chỉ tiêu đối với các dự án:	837.000 triệu đồng.
+ Hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa:	100.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất:	3.000.000 triệu đồng.
+ Quỹ phát triển đất:	600.000 triệu đồng.
+ Quỹ phát triển nhà:	200.000 triệu đồng.
+ Nguồn thu tiền sử dụng đất giao chỉ tiêu đối với dự án (vượt thu tiền sử dụng đất):	2.200.000 triệu đồng.
- Nguồn Bồi chi ngân sách địa phương:	5.400 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách trung ương:	5.163.983 triệu đồng.
b) Nguồn vốn do UBND cấp huyện giao chỉ tiêu:	3.241.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách tập trung:	1.358.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết:	683.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất:	1.200.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục I, II, III, IV, V, VI và VII kèm theo)

3. Danh mục dự án trọng điểm năm 2021, gồm 11 dự án, cụ thể như sau:

a) Dự án quan trọng quốc gia: Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

b) Các dự án chuyển tiếp:

- Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Biên Hòa.

- Dự án nâng cấp đường ĐT.763 từ Km0+000 đến Km29+500, huyện Xuân Lộc và huyện Định Quán.

- Dự án xây dựng cầu Vàm Cái Sút trên đường Hương lộ 2 nối dài, thành phố Biên Hòa.

- Dự án đường Hương lộ 2 - đoạn 1, thành phố Biên Hòa.

- Dự án cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 (đoạn từ cầu vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767), thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.

c) Các dự án khởi công mới (khi đủ điều kiện theo quy định):

- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông Cái (đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản), thành phố Biên Hòa.

- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu).

- Dự án xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu).

- Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu).

- Dự án xây dựng Công viên và kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu).

4. Giải pháp thực hiện: gồm 02 nhóm giải pháp tại Tờ trình số 14250/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

a) Nhóm 1: Các giải pháp về huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia phát triển kết cấu hạ tầng.

b) Nhóm 2: Các giải pháp về nâng cao công tác quản lý và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

Phụ lục I
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021		
		Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH
	Tổng số	14.235.583	10.994.083	3.241.500
A	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	9.071.600	5.824.700	3.241.500
I	Vốn ngân sách tập trung	3.246.200	1.887.700	1.358.500
1	Ngân sách tỉnh	1.887.700	1.887.700	
a	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa	100.000	100.000	
b	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu	1.787.700	1.787.700	
c	Hỗ trợ có mục tiêu cấp huyện			
2	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	1.358.500		1.358.500
a	Phân cấp cho UBND cấp huyện giao chỉ tiêu	1.298.000		1.298.000
b	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện (thể hiện tại PL II và chi tiết theo PL IV)	60.500		60.500
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.200.000	3.000.000	1.200.000
1	Hình thành nguồn vốn đầu tư từ nguồn khai thác quỹ đất (ngoài kế hoạch TW thông báo)	2.200.000	2.200.000	
2	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	1.200.000		1.200.000
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất nộp quỹ	800.000	800.000	
a	Quỹ phát triển nhà	200.000	200.000	
b	Quỹ phát triển đất	600.000	600.000	
III	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.620.000	937.000	683.000
1	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu	837.000	837.000	
2	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa	100.000	100.000	
3	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	35.000		35.000

4	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện (thể hiện tại PL III và chi tiết theo PL IV)	648.000		648.000
IV	Bội chi ngân sách địa phương	5.400	5.400	
B	Vốn ngân sách Trung ương	5.163.983	5.163.983	
I	Vốn trong nước (đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	5.065.150	5.065.150	
1	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	4.660.000	4.660.000	
2	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	3.000	3.000	
3	Hỗ trợ có mục tiêu	402.150	402.150	
II	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách trung ương	98.833	98.833	

Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN ĐẦU GIÁ ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2021		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số				3.246.200	2.200.000	-
A	Thực hiện dự án				1.372.410	1.352.000	-
I	Giao thông				367.200	1.352.000	-
I.1	Dự án chuyển tiếp				367.200	1.352.000	-
1	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn song hành QL1A từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMDT)	TB	2018-2021	106.500	12.500		UBND huyện Trảng Bom
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023	214.700	30.000		UBND huyện Thống Nhất
3	Nâng cấp tuyến đường Suối Chôn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	LK	2018-2022	136.700	10.000		UBND thành phố Long Khánh
4	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT769), kể cả Bồi thường giải phóng mặt bằng do huyện Thống Nhất thực hiện)	TN	2017-2021	160.152	5.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	2017-2021	314.732	35.000		UBND huyện Long Thành
6	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK	2019-2021	131.234	10.000		UBND thành phố Long Khánh
7	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2019-2022	31.136	13.200		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án cải tạo đường Hùng vương - thành phố long khánh (ngân sách tỉnh 50%)	LK	2020-2024	156.854	20.000		UBND thành phố Long Khánh

9	Dự án đầu tư xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán (kể cả chi phí BTGPMB do UBND huyện Định Quán làm Chủ đầu tư)	ĐQ	2020-2024	138.034	30.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Đường Xuân Mỹ đi Bảo Bình	CM	Tối đa 03 năm	72.896	30.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường xung quanh Hồ cầu Dầu, thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 03 năm	38568	15.000		UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thị xã Long Khánh (NST hỗ trợ 100% chi phí xây lắp)	LK	Tối đa 03 năm	29.600	10.500		UBND thành phố Long Khánh
13	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	2019-2023	91.564	30.000		UBND huyện Tân Phú
14	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú	TP	2019-2023	85.963	6.500		UBND huyện Tân Phú
15	Đường đê bao Đồng Hiệp, huyện Tân Phú	TP	2020-2022	26.092	13.500		UBND huyện Tân Phú
16	Dự án mở rộng đường từ Quốc lộ 20 vào Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT)	TN	Tối đa 03 năm	11.500	1.000		UBND huyện Thống Nhất
17	Dự án tuyến đường Bình Lộc - Tín Nghĩa, thị xã Long Khánh (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	LK	2020-2022	79.668	10.000		UBND thành phố Long Khánh
18	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km0+000 đến Km29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	2019-2023	599.946	0	122.000	-
	Trong đó						-
a	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km0+000 đến Km8+300 và Km15+000 đến Km24+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện			599.946		42.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện					60.000	UBND huyện Xuân Lộc

c	Nâng cấp đường ĐT 763 đoạn còn lại (gồm các đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến), kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc và Định Quán thực hiện					20.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
19	Đường Hương lộ 2 - đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	Tối đa 05 năm	783.000	0	520.000	-
	Trong đó						-
a	Đường Hương lộ 2 - đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					40.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện					480.000	UBND thành phố Biên Hòa
20	Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	Tối đa 05 năm	388.000	0	86.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
21	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	Tối đa 05 năm	671.200	0	129.500	-
	Trong đó						-
a	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					70.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện					59.500	UBND huyện Vĩnh Cửu
22	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	Tối đa 05 năm	77.971	30.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
23	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	Tối đa 05 năm	79.788	30.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
24	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	Tối đa 05 năm	1.289.160		494.000	UBND thành phố Biên Hòa
25	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	53.058	25.000		UBND thành phố Long Khánh

II	Quản lý nhà nước				37.100	0	-
II.1	Dự án chuyển tiếp				37.100	0	-
1	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	BH	2018-2022	54.846	27.000		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
2	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành (NST hỗ trợ xây lắp, không hỗ trợ thiết bị)	LT	2020-2022	27.231	8.000		UBND huyện Long Thành
3	Dự án đầu tư xây mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch + sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch (NST hỗ trợ hỗ trợ khoảng 8,3 tỷ XD Nhà làm việc UBMTTQ và các đoàn thể)	NT	Tối đa 03 năm	19360	2.100		UBND huyện Nhơn Trạch
III	Hạ tầng công cộng				310.850	0	-
III.1	Dự án chuyển tiếp				310.850	0	-
1	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB)	NT	2017-2021	310.753	3.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả BTGPMB do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH - LT	2017-2021	157.345	24.100	0	-
	Trong đó:						-
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư				22.500		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				1.600		UBND thành phố Biên Hòa
3	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2021	181.919	75.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
4	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2021	31.368	6.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2017-2022	584.830	135.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	Theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	14.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

7	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021	39.953	21.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	26.981	750		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 03 năm	14.991	4.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
10	Dự án nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 03 năm	14.999	4.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	ĐQ	Tối đa 05 năm	65.062	24.000		UBND huyện Định Quán
IV	Nông - Lâm - Thủy lợi				340.000	0	-
IV.1	Dự án chuyển tiếp				340.000	0	-
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ) ngân sách tỉnh 138 tỷ	ĐQ	2017-2022	243.000	42.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2023	454.601	51.000		UBND huyện Định Quán
3	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2021	131.018	20.000		UBND thành phố Long Khánh
4	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do TP Biên Hòa thực hiện)	BH	2017-2021	373.172	68.000	0	-
	Trong đó:						-
a	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				66.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				2.000		UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã Lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 03 năm	35.714	15.000		UBND huyện Thống Nhất

6	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021	49.604	25.000		UBND huyện Định Quán
7	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	Tối đa 03 năm	55.900	10.000		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
8	Nạo vét Rạch Mọi xã Bình Hòa	VC	2019-2021	45816	22.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
9	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cải (ngân sách thị xã chi bồi thường 55,4 tỷ)	LK	Tối đa 04 năm	544.659	50.000		UBND thành phố Long Khánh
10	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	Tối đa 05 năm	29.119	17.000		Chi cục Kiểm lâm
11	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2024	131.058	20.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
V	An ninh quốc phòng				173.560		-
V.1	Dự án chuyển tiếp				173.560		-
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2022	654.000	150.000		Công an tỉnh Đồng Nai
2	Dự án quốc phòng ĐA2 (Dự án mật) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)		Tối đa 05 năm	125.000	15.000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
3	Nâng cấp Hệ thống Hội nghị truyền hình Công an tỉnh	BH	2021-2023	8.732	8.560		Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Khoa học công nghệ				11.700		-
VI.1	Dự án chuyển tiếp				11.700		-
1	Dự án nâng cấp, kết nối liên thông phần mềm giao dịch bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước	BH	Tối đa 03 năm	3500	1.700		Sở Tư Pháp
2	Trung tâm chiếu xạ Sở Khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70% khoảng 130 tỷ)	CM	2017-2021	187.635	10.000		Sở Khoa học và Công nghệ
VII	Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch (VB 2465/UBND-KT ngày 08/3/2019)				99.000		Sở Kế hoạch và Đầu tư
VIII	Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch				20.000		-

IX	Dự phòng bố trí bổ sung các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016 - 2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021 và phân bổ các dự án mới giai đoạn 2021 - 2025				13.000		-
B	Dự phòng bố trí các dự án khởi công mới, chuẩn bị đầu tư (lập dự án đầu tư và chủ trương đầu tư) chỉ thực hiện phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định				315.290	848.000	-
C	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện				160.500		-
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn				60.500		-
1	Các dự án chuyển tiếp				40.500		-
1	Mường thoát nước dọc tuyến đường Bình Minh - Giang Điền, huyện Trảng Bom (tối đa 20 tỷ)	TB			8.000		UBND huyện Trảng Bom
2	Xây dựng đường vào Cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (tối đa 35,4 tỷ)	CM			2.500		UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Dự án đường từ xã Đắc Lua đi huyện Đăng Hà, tỉnh Bình Phước	TP			30.000		UBND huyện Tân Phú
2	Dự phòng bố trí các dự án khởi công mới chỉ thực hiện phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định				20.000		-
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016 - 2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)				100.000		-
D	Phân cấp cho cấp huyện giao chỉ tiêu				1.298.000		-
E	Hỗ trợ các dự án XHHGTNT				100.000		-

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
NGUỒN VỐN XÒ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số				1.620.000	-
A	Thực hiện dự án				689.800	-
I	Y tế				296.182	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				296.182	-
1	Khối điều trị Bệnh viện Thống Nhất	BH	2017-2021	600.000	240.000	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất
2	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2019-2021	11.940	4.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	11.597	3.900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	16.443	7.850	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	15.246	500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 03 năm	28271	10.632	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án xây dựng khu khám và thẩm mỹ Bệnh viện Da liễu Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	Tối đa 03 năm	30.841	10.000	Bệnh viện Da liễu Đồng Nai
8	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	Tối đa 03 năm	30.648	10.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Cải tạo, nâng cấp, làm mới một số hạng mục đã xuống cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 03 năm	14.591	8.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
II	Giáo dục - đào tạo				9.700	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				9.700	
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH	2016-2021	139.015	3.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, vỉa hè, mương thoát nước và sân khu dạy học trường Đại học Đồng Nai	BH	2020-2022	10.528	6.200	Trường Đại học Đồng Nai
III	Văn hóa xã hội				89.400	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				89.400	-

1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	2018-2022	146.000	25.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Làng Văn hóa Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	LK	2018-2021	73.000	20.000	UBND thành phố Long Khánh
3	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	LK	2017-2021	62.976	2.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	TP	2019-2021	2.869	1.500	UBND huyện Tân Phú
5	Dự án Trung tâm Tổ chức sự kiện huyện Tân Phú	TP	2019-2021	19025	8.900	UBND huyện Tân Phú
6	Xây dựng hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao của người dân xung quanh Sân vận động tỉnh	BH	Tối đa 03 năm	11.265	5.600	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
7	Xây dựng đường dây trung thế, nâng cấp đường dây hạ thế ngầm, MCCB đảm bảo đáp ứng cho trạm biến áp 1.000 KVA tại Sân vận động tỉnh hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao	BH	2020-2022	12.795	6.400	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
8	Dự án đầu tư mới 01 xe truyền hình màu lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (NST tối đa 25 tỷ đồng, phần còn lại thuộc nguồn vốn của Đài)	BH	2020-2022	35.000	20.000	Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai
IV	Các lĩnh vực khác				284.518	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				284.518	-
1	Dự án phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016 - 2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	Tối đa 03 năm	15.639	4.800	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
2	Dự án nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL	Tối đa 03 năm	45.698	5.000	UBND huyện Xuân Lộc
3	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, thị xã Long Khánh (NST 50% + NSH 50%)	LK	Tối đa 03 năm	55.991	10.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Dự án đầu tư đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	ĐQ	Tối đa 05 năm	297.932	155.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ từ Km1+600 đến Km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường so huyện Định Quán thực hiện)	TP+ĐQ	Tối đa 05 năm	114.660	55.018	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

6	Dự án trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 05 năm	91.092	30.000	UBND huyện Định Quán
7	Dự án xây dựng văn phòng ổn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	Tối đa 03 năm	48292	24.000	Sở Giao thông vận tải
IV	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội				10.000	-
B	Các dự án khởi công mới, chuẩn bị đầu tư (lập dự án đầu tư và chủ trương đầu tư) chỉ thực hiện phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định				97.200	-
C	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện				85.000	-
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn				35.000	-
1	Dự án chuyển tiếp					-
1	Xây dựng Trường Mầm non Sông Ray				10.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Đường 30 Tháng 4 huyện Trảng Bom				15.000	UBND huyện Trảng Bom
2	Dự phòng bổ trí các dự án khởi công mới chỉ thực hiện phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định				10.000	-
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016 - 2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)				50.000	-
D	Phân cấp cho UBND cấp huyện giao chỉ tiêu kế hoạch				648.000	-
E	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa				100.000	-

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ
NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2021 HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO
NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Kế hoạch 2021	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
	Tổng số		95.500	-
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		60.500	-
I.1	Dự án chuyển tiếp			-
1	Mương thoát nước dọc tuyến đường Bình Minh – Giang Điền, huyện Trảng Bom (tối đa 20 tỷ)	TB	8.000	UBND huyện Trảng Bom
2	Xây dựng đường vào Cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (tối đa 35,4 tỷ)	CM	2.500	UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Dự án đường từ xã Đắc Lua đi huyện Đăng Hà, tỉnh Bình Phước	TP	30.000	UBND huyện Tân Phú
I.2	Dự phòng phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định		20.000	-
II	NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT		35.000	-
II,1	Ngành giáo dục		10.000	-
	Dự án chuyển tiếp			-
1	Xây dựng trường mầm non Sông Ray	CM	10.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
II,2	Các lĩnh vực khác		15.000	-
	Dự án chuyển tiếp			-
1	Đường 30/4 xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom	TB	15.000	UBND huyện Trảng Bom
II.3	Dự phòng phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định		10.000	-

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021				Chủ đầu tư		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số		Trong đó:	
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	TỔNG SỐ				35.106.259	30.674.494	5.065.150	5.065.150	0	0	-		
A	Dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa				28.920.000	27.168.000	4.663.000	4.663.000	0	0	-		
A.1	Nguồn vốn phân bổ cho dự án quan trọng quốc gia				22.856.000	22.856.000	4.660.000	4.660.000	0	0	-		
	Giao thông				22.856.000	22.856.000	4.660.000	4.660.000	0	0	-		
III	Thực hiện dự án										-		
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021										-		
a	Dự án quan trọng quốc gia										-		
1	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành (vốn trái phiếu Chính phủ)	LT	2018-2021	1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018	22.856.000	22.856.000	4.660.000	4.660.000	0	0	UBND tỉnh Đồng Nai		

[illegible]

1	Dự án xây dựng trung tâm công tác xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Nai		2020-2024	3439/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	49.952	45.000	32.200	32.200	0	0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
B.3	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				27.795	20.550	13.450	13.450	0	0	-
III	Thực hiện dự án										-
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021										-
c	Dự án nhóm C										-
1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 (giai đoạn 1)		2019-2021	3602/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	27.795	20.550	13.450	13.450	0	0	Chi cục Kiểm lâm
B.4	Môi trường				236.700	236.700	50.000	50.000			-
III	Thực hiện dự án										-
(4)	Dự án khởi công mới năm 2021										-
	Dự phòng chưa phân bổ						50.000	50.000			-

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021 CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ
VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2020			Kế hoạch năm 2020				Kế hoạch năm 2021				Ghi chú						
					Số quyết định	TMĐT							Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)			Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)							
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
																											Quy đổi ra tiền Việt			
																											Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số
Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																													
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27					
	TỔNG SỐ						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	98.833			98.833						
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	98.833			98.833						
I	Môi trường						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	98.833			98.833						
3	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021																													
a	Dự án nhóm A																													
(1)	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1)	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	30/08/2017	30/08/2027	246/QĐ-UBND ngày 20/01/2017	6.610.252	1.277.853	0		5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0				98.833			98.833						

Phụ lục VII
BẢNG TỔNG HỢP CÂN ĐỐI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 PHÂN CẤP
ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN CẤP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Phân bổ nguồn vốn đầu tư công cấp huyện năm 2021							
		Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung	Bổ sung có mục tiêu nguồn NSTT	Dự phòng chưa phân bổ nguồn NSTT	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	Bổ sung có mục tiêu nguồn XSKT	Dự phòng chưa phân bổ nguồn XSKT	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất
1	2	3=4+5+6+7+8+9+10	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số	3.241.500	1.298.000	40.500	20.000	648.000	25.000	10.000	1.200.000
1	Thành phố Biên Hòa	630.819	171.834			85.785			373.200
2	Thành phố Long Khánh	211.491	107.049			53.442			51.000
3	Huyện Nhơn Trạch	296.890	103.180			51.510			142.200
4	Huyện Long Thành	458.270	104.767			52.303			301.200
5	Huyện Trảng Bom	334.891	103.180	8.000		51.511	15.000		157.200
6	Huyện Cẩm Mỹ	190.827	108.140	2.500		53.987	10.000		16.200
7	Huyện Xuân Lộc	198.409	119.134			59.475			19.800
8	Huyện Tân Phú	265.793	135.932	30.000	20.000	67.861			12.000
9	Huyện Định Quán	231.012	128.074			63.938			39.000
10	Huyện Thống Nhất	181.403	102.188			51.015			28.200
11	Huyện Vĩnh Cửu	241.695	114.522			57.173		10.000	60.000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Thông nhất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét Tờ trình số 14231/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là bằng 1 (một), thời gian áp dụng quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT**Thông qua danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai thực hiện đầu tư trực tiếp và cho vay giai đoạn 2021 - 2025****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;**Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;**Xét Tờ trình 14193/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai thực hiện đầu tư trực tiếp và cho vay giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Thông qua danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai thực hiện đầu tư trực tiếp và cho vay giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

STT	LĨNH VỰC
I	Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng.
2	Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời.

3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải, đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
4	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng.
II	Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao.
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao.
3	Di chuyển, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề; các cơ sở di dời theo chương trình của tỉnh.
III	Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
IV	Xã hội hóa hạ tầng xã hội
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên...).
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chính trang đô thị, khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, văn hóa, thể dục, thể thao, công viên.
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương; di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghỉ trang.
V	Đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác và đầu tư mở rộng, phát triển kinh tế của các doanh nghiệp tại địa phương
1	Đầu tư khởi nghiệp đối với các tổ chức, cá nhân đạt giải cao trong các cuộc thi khởi nghiệp cấp tỉnh tổ chức.
2	Đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.
3	Đầu tư xây dựng mới, thành lập Doanh nghiệp sản xuất, chế biến thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh.
4	Đầu tư các dự án theo chương trình phát triển kinh tế - xã hội được tỉnh giao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 18
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Trên cơ sở kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 18 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận những kết quả, giải pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành trong việc trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 18 Hội đồng nhân dân tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế, thực hiện có hiệu quả một số nội dung sau:

1. Về công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm về mua, bán, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm

Tập trung lực lượng, phương tiện đấu tranh, triệt xóa các băng nhóm; thường xuyên bố trí cán bộ quản lý địa bàn, các cơ sở kinh doanh phế liệu, cơ khí; tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp mua bán, chế tạo vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, đánh bạc và tổ chức đánh bạc; phối hợp tổ chức xét xử lưu động các trường hợp vi phạm về vận chuyển, mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, đánh bạc và tổ chức đánh bạc nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục răn đe, phòng ngừa chung.

Tăng cường kiểm tra, quản lý, giám sát hoạt động internet để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các trang web có nội dung mua bán, hướng dẫn chế tạo vũ khí; đẩy

manh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động người dân thu gom, giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Về công tác hỗ trợ ngành du lịch khắc phục khó khăn do Covid -19 và công tác quảng bá, xúc tiến, phát triển du lịch

Tiếp tục thực hiện Chương trình kích cầu du lịch nội địa “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; xây dựng và thực hiện các gói sản phẩm kích cầu về du lịch hấp dẫn về giá, đảm bảo chất lượng dịch vụ; tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo khuyến cáo của cơ quan y tế nhằm tạo sự yên tâm cho khách du lịch đến tham quan và lưu trú tại Đồng Nai.

Thực hiện các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quảng bá, xúc tiến; trong đó chú trọng tuyên truyền thông tin mức độ an toàn của điểm đến, các chương trình kích cầu của doanh nghiệp để thông tin đến du khách trong và ngoài tỉnh.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án du lịch như: Dự án KDL và đô thị Sơn Tiên (Biên Hòa), dự án KDL sinh thái và nuôi thả động vật hoang dã (Trảng Bom), dự án điểm du lịch sinh thái tại xã Long Tân (Nhơn Trạch). Đồng thời, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho một số dự án trọng điểm về du lịch như: dự án tuyến du lịch đường sông, dự án Thác Mai - Bàu nước sôi, dự án du lịch sinh thái Đảo Ó - Đồng Trường, dự án Safari... để các dự án sớm được triển khai và đi vào hoạt động.

Chủ động và tích cực triển khai các chương trình hợp tác, liên kết phát triển du lịch giữa Đồng Nai và các tỉnh thành trong vùng Đông Nam bộ (Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh), Phú Yên, Bình Định để phát triển sản phẩm du lịch, tuyến du lịch, quảng bá hình ảnh, trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản lý...

3. Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

Tổ chức Hội nghị Sơ kết việc triển khai thực Chi thị 54-CT/TU ngày 24/3/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 5973/KH-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh về triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh để đánh giá cụ thể kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn chưa hiệu quả và giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

Khẩn trương triển khai các thủ tục để quyết định việc đầu tư Dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu.

Tổ chức rà soát tình hình các điểm trung chuyển chất thải sinh hoạt và có biện pháp khắc phục, đảm bảo việc bố trí, xây dựng, vận hành các điểm trung chuyển theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019 của Bộ Xây dựng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các điểm trung chuyển chất thải và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, gây ô nhiễm môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo tiến độ thực hiện tại các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân
tỉnh Đồng Nai năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 692/TTr-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Thường trực HĐND tỉnh về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2021 theo Tờ trình số 692/TTr-HĐND ngày 25/11/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Tờ trình kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021 ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉ đạo điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; định kỳ nghe báo cáo hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả việc thực hiện Chương trình giám sát năm 2021 với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện và tình hình thực tế, chủ động lựa chọn nội dung hoặc các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công, phối hợp xây dựng và tiến hành hoạt động giám sát, báo cáo kết quả theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động giám sát; báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến

nội dung giám sát; thực hiện kịp thời, đầy đủ những kiến nghị sau giám sát và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 692/TTr-HĐND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 11 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về chương trình giám sát của
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2021

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai về chương trình hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai khóa IX;

Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Trên cơ sở đề nghị của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và kiến nghị của cử tri ở địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự kiến chương trình giám sát năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; tạo cơ sở để Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Tổ đại biểu HĐND tỉnh triển khai thực hiện hoạt động giám sát trong năm 2021 được thống nhất, đồng bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND tỉnh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước ở địa phương, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân.

II. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT

1. Giám sát tại các kỳ họp HĐND tỉnh

a) Xem xét các báo cáo

- Báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; công

tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri và việc thực hiện một số nghị quyết chuyên đề của HĐND tỉnh.

b) Tiến hành hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Xem xét việc trả lời chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên của UBND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh.

2. Giám sát thường xuyên

a) Việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố;

d) Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và việc thực hiện các kiến nghị của các Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Kết quả thực hiện việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND tỉnh, thành viên UBND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh.

3. Giám sát chuyên đề

a) Lĩnh vực Pháp chế

Giám sát kết quả thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; công tác quản lý và hoạt động đấu giá tài sản; công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trước, trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021; kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và việc tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hình sự; công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; kết quả triển khai thực hiện các kiến nghị sau giám sát, các kiến nghị của cử tri, đại biểu, Tổ đại biểu liên quan đến lĩnh vực pháp chế.

b) Lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách

Giám sát công tác chuẩn bị phục vụ Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021; tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm trên địa tỉnh; giám sát chuyên đề trong lĩnh vực nông nghiệp; kết quả thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế, môi trường; tình hình triển khai thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương; tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công và giám sát việc triển khai thực hiện các kết luận giám sát, các kiến nghị của cử tri, đại biểu, Tổ đại biểu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, ngân sách.

c) Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội

Giám sát công tác chuẩn bị cho Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 về công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, việc thực hiện pháp luật lao động tại các doanh nghiệp và công tác hỗ trợ, chăm lo cho công nhân, người lao động trong dịp Tết Nguyên đán; kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát về hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa cơ sở của các xã đạt chuẩn nông thôn mới; công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh; việc thực hiện chính sách, pháp luật về dân tộc trên địa bàn tỉnh; giám sát việc triển khai thực hiện các kết luận giám sát, các kiến nghị của cử tri, đại biểu, Tổ đại biểu liên quan đến lĩnh vực văn hóa, xã hội.

III. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và kế hoạch tổ chức thực hiện của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021 để xây dựng chương trình giám sát năm 2021 của Ban, của Tổ; báo cáo kết quả giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các nội dung trên, căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và theo ý kiến, kiến nghị của cử tri, Thường trực HĐND tỉnh phân công các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp xây dựng chương trình và tiến hành hoạt động giám sát, báo cáo kết quả theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phải thực hiện đầy đủ yêu cầu theo kế hoạch, nội dung giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin, tài liệu phục vụ giám sát. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những kiến nghị sau giám sát và báo cáo kết quả thực hiện gửi đến Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để theo dõi, giám sát.

Trên đây là Tờ trình về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 18 xem xét, quyết định./.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng ban Ban Văn hóa - Xã hội
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xác nhận kết quả bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét Tờ trình số 733/TTr-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị miễn nhiệm Trưởng ban Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết miễn nhiệm Trưởng ban Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 18 Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 04/12/2020.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng ban Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với bà Nguyễn Thị Thu Hiền do chuyển công tác.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, bà Nguyễn Thị Thu Hiền và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 14860/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết miễn nhiệm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, đối với các ông, bà có tên sau:

1. Bà Nguyễn Hòa Hiệp. Lý do: Nghỉ hưu trước tuổi.
2. Ông Nguyễn Quốc Hùng. Lý do: Nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu.
3. Ông Trần Văn Vĩnh. Lý do: Nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh thủ tục, trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác nhận kết quả bầu cử
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 14862/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giới thiệu bầu Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả bầu cử Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu cử Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông, bà có tên sau:

1. Ông Võ Tấn Đức.
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng.
3. Ông Võ Văn Phi.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh thủ tục, trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm
Ủy viên UBND tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 14861/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông, bà có tên sau:

1. Bà Huỳnh Lệ Giang - Nguyên Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.
2. Ông Từ Nam Thành - Nguyên Giám đốc Sở Giao thông vận tải.
3. Ông Huỳnh Văn Tịnh - Nguyên Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
4. Ông Huỳnh Thành Vinh - Nguyên Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác nhận kết quả bầu cử
Ủy viên UBND tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 14863/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giới thiệu bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả bầu cử Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, tại kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu cử Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, đối với các ông, bà có tên sau:

1. Ông Lê Quang Bình - Giám đốc Sở Giao thông vận tải.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
3. Bà Trương Thị Kim Huệ - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.
4. Ông Nguyễn Văn Khang - Trưởng Ban Dân tộc.
5. Ông Cao Tiến Sỹ - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 của ông Nguyễn Quốc Cường;

Xét Tờ trình số 734/TTr-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và kết quả biểu quyết cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp nhận ông Nguyễn Quốc Cường thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, ông Nguyễn Quốc Cường và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,
TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.941869 - 02513.847291

Email: congbao@dongnai.gov.vn

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>